Nguyên tác
THE SCIENCE OF LOVE
của John Wu

đăng trong Thiên Hạ nguyệt san
Catholic Truth Society
Hong Kong, 1940

HỌC YÊU
Bản dịch của Thạch Sơn

bút hiệu của Antôn Vũ Huy Chương
sinh năm 1944 tại Thạch Thất - Sơn Tây
dịch sang tiếng Việt năm 1963
in lần nhất kỷ niệm chịu chức Linh mục 18/12/1971
in lần hai kỷ niệm Kim khánh Linh mục 18/12/2021

MỤC LỤC

01. Giới thiệu tác giả
- Giới thiệu của Jean Paul DALLAIRE, SJ
- Giới thiệu của N. MAESTRINI, SJ

02. Lời tựa của tác giả

03. Tình yêu và Khoa học

04. Vài mẫu thánh nhân:
Mácta và Madalena

05. Tình yêu tự nhiên và siêu nhiên

06. Tình yêu chân thành

07. Thiên Chúa như một người tình

08. Tử đạo vì yêu

09. Một trẻ thơ lão luyện

10. Tình yêu đem lại tự do

11. Nghệ thuật sống

12. Tâm sự

13. Luận lý tình yêu

14. Sống chết trong tình yêu

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

JOHN WU

GIỚI THIỆU
của Lm. JEAN PAUL DALLAIRE, S.J.

Ông John Wu *(John Ching Hsiung Wu: Gioan Ngô Kinh Hùng)* là một nhà luật học quốc tế danh tiếng, một nhà nhân bản học đặc sắc, một người đã kết hợp hài hòa những nét tuyệt hảo của nền văn hóa cũ mới, Đông-Tây, một người đã sống Đạo Công giáo cách toàn vẹn, và như lời giáo sư Paul Lineberger, ông là *"một trong những nhân vật phi thường của thế giới hiện đại"*.

Ông Wu sinh ngày 28/03/1889 tại Ninh Ba, Chiết Giang, Trung Hoa, mồ côi mẹ từ lúc lên bốn tuổi, mồ côi cha lúc mới lên mười. Sau khi thuộc những bài học đầu tiên của của một người Đạo Khổng, ông nhập học trường Tiểu Thị tại bản hương. Năm 1916, ông theo học Luật tại đại học Thiên Tân, sau đó ghi tên vào trường Luật tại Thượng Hải do Giáo hội Mê-tô-đích điều khiển. Khoa trưởng Charles W. Raakin đã gây ảnh hưởng sâu xa nơi ông về việc đọc Thánh Kinh. Chẳng bao lâu ông được rửa tội theo Giáo hội Mê-tô-đích. Trong thời gian đó ông theo học tiếng Pháp với các linh mục Dòng Tên tại Đại học Bình Minh. Chính tại đây ông đã làm bạn với một người Công giáo nhiệt thành là ông Doãn Chí Hoàng.

Mùa Hè năm 1920, ông đậu luật sư và xuống tàu sang Hoa Kỳ tiếp tục học Luật tại đại học Michigan. Tại đây ông hăng say nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của khoa trưởng Henry W. Bates và các giáo sư Joseph H. Drake, Edwin Dickinson, nhất là được quen thân với thẩm phán Oliver Wendell Holmes. Tài năng của ông rất sâu sắc nên đã được cấp học bổng theo học

trường Luật học quốc tế của Carnegie Endowment và ông đã chọn Đại học Paris. Ông cũng đã có dịp đi Berlin và London. Mùa Thu năm 1923 ông trở lại Hoa Kỳ và học luật tại Đại học Harvard.

Đầu mùa Hè năm 1924, ông về nước và làm giáo sư Luật tại Thượng Hải. Ngày 01/01/1927, ông được mời giữ chức thẩm phán tại Pháp đình Lâm thời Thượng Hải. Chẳng bao lâu danh tiếng ông lừng lẫy khắp Trung Hoa và hải ngoại.

Mùa Thu năm 1929, cùng một lúc ông nhận được hai giấy mời, một đi nghiên cứu tại Phân khoa Luật học Harvard, một đi diễn thuyết tại Đại học Luật Chicago. Ông đã nhận lời đi diễn thuyết và xin từ chức thẩm phán. Sau thời gian diễn thuyết, tháng 01 năm 1930 ông trở lại Harvard và ở đó khoảng 6 tháng để nghiên cứu thêm về Luật. Dầu vậy, ông còn lo nhiều việc xã hội khác nữa. Năm 1931, ông được chọn làm cố vấn thành phố Thượng Hải, rồi thành viên Hội đồng Luật pháp thành phố Thượng Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Soạn thảo Hiến pháp Trung Hoa, Chủ tịch Hội đồng Lập pháp... Ngoài ra, ông còn cộng

tác với nguyệt san Thiên Hạ được thành lập với mục đích cổ động và liên kết văn minh Đông-Tây.

Năm 1937, Nhật chiếm Thượng Hải, ông Wu trú ẩn tại nhà người bạn là ông Doãn Chí Hoàng, giáo sư Luật tại đại học Bình Minh. Sống trong một gia đình Công giáo nhiệt thành, nhất là sau khi đọc truyện thánh Têrêsa thành Lisieux của Papini và Newman, ông đã quyết định theo đạo Công giáo. Ngày 23/12/1937, ông được rửa tội do cha Viện trưởng Đại học Bình Minh, Georges Germain, S.J., cử hành.

Trong thời kỳ Trung Hoa thay đổi chế độ, ông sống tại Hồng Kông, tiếp tục điều hành Thiên Hạ Nguyệt san, làm Phó Chủ tịch Hội Chân lý Công giáo có mục đích xuất bản và cổ động sách báo Công giáo. Dưới sự hướng dẫn khôn ngoan của cha Maestrini, Dòng Tên, thuộc Hội Thừa sai Milan, ông Wu càng ngày càng có một đời sống thiêng liêng sâu xa. Cha Maestrini nhận định rằng ông Wu đã sống *"một đời sống Công giáo đích thực, không phải như một vài người tưởng là một cuộc trao đổi thương mại với Thiên Chúa, hay một chuỗi những cấm đoán khô khan với vô số thưởng phạt..., nhưng*

là sự vâng phục trọn niềm tin yêu của một tạo vật đối với Đấng Tạo hóa, hay nói như ông Wu, là "một nụ hôn đáp lại một nụ hôn lớn hơn của Đấng cứu chuộc mình".

Cha J. Monsterlest, Dòng Tên, nhận xét rằng: *"Trước kia ông Wu chạy theo thú vui thế gian bao nhiêu, thì bây giờ, sau khi trở lại, ông ngày càng tự chủ nhiều hơn"*. Chính ông Wu cho biết: *"Theo tôi, hạnh phúc của con người là ở chỗ yêu một người nào xứng đáng được yêu. Vậy nếu đối tượng tình yêu của bạn là vô-cùng-xứng-đáng-được-yêu, thì hạnh phúc của bạn sẽ vô bờ vô bến. Mà nếu hạnh phúc của bạn vô bờ vô bến, thì làm sao bạn còn có thể thay đổi ước muốn được? Tư tưởng "vũ điệu" vẫn đánh động lòng tôi, như tôi đã nói với M. Maritain rằng: "Đối với tôi, đời sống thiêng liêng chính là một vũ điệu tình yêu với Chúa Kitô, trong lòng Chúa Cha, theo nhạc đệm của Chúa Thánh Thần"* (lời ông Wu trình bày trong bài diễn thuyết "Từ Khổng giáo đến Công giáo" tại Đại học Grêgôriô, Rôma, ngày 19/03/1948).

Còn vợ ông, bà Wu, biết tính hay thay đổi của chồng, lúc đầu không để ý đến việc chồng theo đạo Công giáo. Nhưng dần dần, một phần thấy chồng tiến bộ, một phần thấy con gái được lành bệnh lạ lùng, bà đã quyết định xin lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy. Sau đó, tất cả gia đình đã theo đạo Công giáo.

Tháng 12 năm 1941, quân đội Nhật chiếm đóng Hồng Kông. Ông phải lén chèo thuyền chở gia đình ông trốn khỏi Hồng Kông. Ông trú ngụ tại Quế Linh và đảm trách việc dịch Thánh Vịnh và Tân Ước sang Hoa ngữ theo lời yêu cầu của tướng Tưởng Giới Thạch. Công trình dịch thuật của ông được chính Tướng Tổng tư lệnh đọc lại nhiều lần và chú giải. Ông Wu đã nói về việc này như sau: *"Tôi đã dịch tất cả các Thánh Vịnh…*

Tuy tôi không phải là một thi sĩ, nhưng Thiên Chúa nhân lành đã biến đời tôi thành thơ, đó là một bài thơ tràn đầy đau khổ và hạnh phúc".

Sau khi chiến tranh chấm dứt, vào mùa Xuân năm 1946, ông Wu trở lại Thượng Hải. Thủ tướng Chính phủ lúc đó muốn ông giữ chức Bộ trưởng Tư pháp, nhưng Tướng Tổng tư lệnh muốn cử ông đi làm đại sứ. Tại các nước mà ông làm đại sứ, ông đã được mời giữ những chức vụ cao trọng. Ông ước mong được làm đại sứ tại Vatican, một nước tuy nhỏ bé nhất trước mắt mọi người, nhưng lại cho phép ông được sống tại thủ đô của Giáo hội Công giáo. Ngày 08/12/1946, ông chính thức được bổ nhiệm làm Đại sứ Toàn quyền Trung Hoa tại Tòa thánh Vatican. Ông trình ủy nhiệm thư lên Đức Thánh Cha Piô XII ngày 10/02/1947 và đã đọc một bài phát biểu gây ấn tượng với nội dung sâu sắc và hình thức tao nhã của một thi sĩ.

Vài tuần sau nghi lễ nhậm chức này, Đức Cha Montini - sau này làm Giáo hoàng Phaolô VI - báo tin cho ông biết là Đức Thánh Cha Piô XII sẽ tiếp kiến gia đình ông gồm hai vợ chồng và 12 người con. Khi được chụp hình chung với

Đức Thánh Cha, ông Wu hỏi xem có phải đó là một thói quen không, Đức Cha Montini dí dỏm trả lời: *"Một nhà ngoại giao muốn được vinh dự này phải có ít là 12 người con"*. Báo LIFE đã in bức hình này trong số ra ngày 14/04/1947.

Suốt thời gian ở Rôma, ông Wu nổi tiếng là người giàu nhân cách và văn hóa. Ngày 19/03/1948, ông đã nêu một gương sáng trong bài diễn thuyết tại Đại học Grêgôriô về đề tài *"Từ Khổng giáo đến Công giáo"* khi ông thuật lại một cách hết sức đơn sơ như thánh Augustinô về những chặng đường dẫn ông đến gặp Thiên Chúa.

Đầu năm 1949, Thủ tướng Chính phủ Trung Hoa, bạn ông, đã mời ông giữ chức Bộ trưởng Tư pháp. Trở về Thượng Hải, ông Wu gặp nhiều yếu nhân trong nước. Thế rồi những biến cố dồn dập xẩy đến. Chính phủ sụp đổ. Ông Wu trở lại Rôma. Ông xin từ chức đại sứ và đi làm

giáo sư đại học tại Honolulu. Ông lợi dụng dịp này để đáp lại lời yêu cầu của nhiều người từ lâu muốn ông viết tự thuật về đời sống thiêng liêng của ông. Ông đã xuất bản cuốn tự thuật này dưới nhan đề *"Beyond East and West"* (Vượt qua Đông Tây). Đây là một tuyệt tác về sự cao cả và tinh tế của nhân loại.

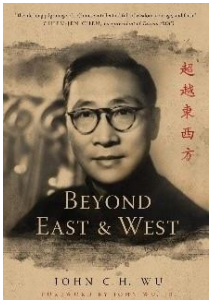

Những trang trong tập sách nhỏ này, trình bày về Thánh Nữ Têrêsa thành Lisieux, sẽ giúp chúng ta nhận ra một tâm hồn "rất người", nhưng cũng rất siêu nhiên, thánh thiện. Ông Wu đã viết: *"Trọn đời tôi, tôi đã đi tìm một người mẹ và tôi đã tìm thấy người mẹ ấy trong Giáo hội Công giáo. Hơn thế nữa, tôi đã tìm thấy một món quà tuyệt hảo mà người mẹ ấy ban tặng, đó là Tình Yêu".*

Jean Paul DALLAIRE, S.J.

GIỚI THIỆU
của Lm. N. MAESTRINI, S.J.

"Tình thương Chúa đời đời con ca tụng" (TV 88,1). Đó là những lời được khắc ghi trên bia mộ thánh nữ Têrêsa tại nghĩa trang Lisieux và là những lời tóm tắt tuyệt vời về đời sống và tư tưởng của vị thánh vĩ đại này. Những lời Thánh Vịnh trên cũng thích hợp để giới thiệu tiểu luận này về Khoa Tình Yêu mà không những Bông Hoa Nhỏ đã nhận thức được, và còn làm cho thánh nữ Têrêsa được biết đến và yêu mến nhiều hơn.

Tác giả những trang đẹp đẽ này, Giáo sư John Ching Hsiung Wu [1], là người đã theo Đức tin Công giáo vào Mùa Đông năm 1937 nhờ ảnh hưởng từ Thánh Têrêsa thành Lisieux, nay có thể cùng với Chị Thánh cất cao lời ca chúc tụng tình thương của Thiên Chúa. Chính do lòng

nhân từ và tình yêu thương vô hạn của Thiên Chúa mà ông có được sự bình an kỳ diệu tràn ngập tâm hồn ông nhờ phát hiện ra chân lý vĩ đại đã xây nên Hội Thánh do Đức Kitô sáng lập.

Sau khoảng 20 năm theo đạo Tin lành, Giáo sư Wu đã sớm phát hiện sự mâu thuẫn và nhầm lẫn trong một nền thần học mơ hồ, vốn dựa trên việc tự do giải thích Kinh thánh, thiếu thống nhất và chắc chắn.

Tất nhiên tâm trí ông mù mịt và không thỏa mãn, chậm bước lang thang trong bóng đen của nghi ngờ và không chắc chắn. Nguy hiểm là ông đã trôi dạt theo chủ nghĩa vô thần. Nhưng ngay lúc đức tin của ông xuống thấp nhất, thì bàn tay nhân từ của Thiên Chúa đã vén màn và mang ánh sáng đến cho tâm hồn ông.

Thật vậy, một tập sách nhỏ về Thánh Têrêsa mà ông tình cờ đọc được, đã mang lại cho ông chìa khóa dẫn đến những kho tàng ẩn giấu của một Đức tin không còn nghi ngờ gì nữa, và đưa linh hồn một người tin tưởng yêu thương vào vòng tay của Thiên Chúa như trong vòng tay của một người mẹ dịu dàng nhất. Tiếp theo sau đó, ông lại tình cờ đọc được bài tiểu luận của

Newman về tính bất khả ngộ của Đức Giáo hoàng và của Giáo hội. Điều này đã xua tan mọi nghi ngờ cuối cùng nơi ông. Khi đó, đối với giáo sư Wu, điều hiển nhiên là một Giáo hội đã sản sinh ra một Augustinô thành Hippo, một Dante, một Pascal và một Tôma Aquinô, đúng là một Giáo hội kế thừa hợp lý và truyền thống duy nhất của Giáo hội Chúa Kitô. Việc ông gia nhập Giáo hội Công giáo là một kết luận tất yếu.

Trong ngôi trường tâm linh của Thánh Têrêsa, Giáo sư Wu đã khám phá ra rằng quan niệm thực sự của Công giáo về cuộc sống, đôi khi được trình bày sai lệch, không phải chỉ là một cuộc mặc cả với Thiên Chúa, hoặc một loạt "những điều cấm cản" khô khan với những biện pháp trừng phạt nặng nề, nhưng là sự phó thác đơn sơ, trọn vẹn và đầy yêu thương của tạo vật đối với Đấng Tạo Hóa, là tình yêu của con người với Thiên Chúa, và theo lời diễn tả của thánh Têrêsa, là *"một nụ hôn, hay đúng hơn là một nụ hôn nhỏ cho một nụ hôn lớn"* giữa linh hồn với Đấng cứu chuộc.

Chính lời phát biểu về cuộc sống đầy tình yêu thương này trong các tác phẩm của Thánh Têrêxa đã gây ấn tượng nhất và đã khiến ông toàn tâm toàn ý đón nhận Đạo giáo đã ban Bông Hoa Nhỏ ngọt ngào này cho thế giới.

Vì vậy, khi một trong những đồng nghiệp của ông trong Ban biên tập "Thiên Hạ Nguyệt San" (một ấn phẩm bằng tiếng Anh, nhằm mục đích mang lại sự hiểu biết tốt hơn về văn hóa giữa Trung Quốc và Tây phương) đã yêu cầu ông viết một bài báo; ông thấy rằng mình không thể chọn chủ đề nào tốt hơn chủ đề niềm tin mà ông mới đón nhận. Bài viết này phát hành lần đầu tiên trong "Thiên Hạ Nguyệt San" số tháng 4 năm 1940, được xuất bản dưới sự bảo trợ của Viện Phát triển Văn hóa và Giáo dục Tôn Trung Sơn, Hồng Kông.

Việc tiếp nhận bài báo đủ để biện minh cho tập sách nhỏ này ở bất cứ nơi nào cần đến. Trong những đoạn văn tuyệt mỹ này, chúng ta thấy đây không phải là một bài nghiên cứu lý thuyết về cuộc sống theo quan niệm thần bí, cũng không phải là một bài phân tích khô khan về một hệ thống tôn giáo, mà là một bài diễn giải xúc động

sâu sắc về con đường tình yêu của người Kitô hữu. Bài viết này còn cho thấy một cái nhìn sâu sắc về một tâm hồn tràn ngập tình yêu và rung động với cuộc sống, một tâm hồn rất nhân văn và siêu phàm: tâm hồn của Têrêxa thành Lisieux.

Trong một bài báo trước đây, Giáo sư Wu viết: *"Tôi đã dành cả đời mình để tìm kiếm một người mẹ, và tôi đã tìm thấy người mẹ đó trong Giáo hội Công giáo"*. Chẳng những ông đã tìm thấy một người mẹ, mà còn tìm thấy món quà lớn nhất mà một người mẹ có thể ban tặng: đó là tình yêu.

Bài tiểu luận đầy cảm hứng này là một bài ca muốn nói lên lòng biết ơn của ông đối với lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng đã nâng ông từ vực thẳm và bóng tối của thuyết vô thần lên đến tầm cao và ánh sáng rạng rỡ của Đạo Công giáo.

Ông có thể cùng với Thánh Têrêsa hát lên những câu ca tuyệt đẹp từ bài thơ "Đời Người Được Chúc Phúc" của Fray Luis de León:

"Từ cây đàn ngọt ngào Ngài tuôn chảy
hài hòa bất tử quyền lực vô biên
mọi đam mê từ trái đất phát sinh
đã vẽ nên một ý muốn nồng nàn
để hoàn tất một định mệnh cao cả.
Có thể nhưng cũng chỉ một phần nhỏ
hơi thở giai điệu cao vút lang thang
đã đi sâu vào tận trái tim chàng
và thay đổi đến khi tim biến đổi
mãi biến đổi và tan chảy trong Ngài
Ôi Tình yêu!"

N. Maestrini, S.J.

LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ

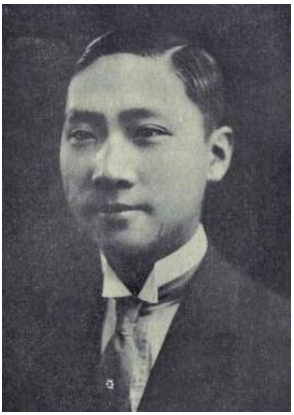

JOHN WU

Lần đầu tiên tôi được nghe nói đến Thánh Nữ Têrêsa thành Lisieux là vào mùa Đông năm 1937, dịp tôi trú ngụ tại nhà một người bạn chí thân của tôi, ông Doãn Chí Hoàng, một người Công giáo rất nhiệt thành. Điều làm tôi cảm động trước tiên chính là thái độ của những người trong gia đình bạn tôi khi lần chuỗi Mân Côi. Một hôm đứng ngắm ảnh Thánh Nữ Têrêsa, tôi hỏi ông bạn: *"Đây có phải là hình Đức Mẹ Đồng Trinh không?"*. Bạn tôi trả lời: *"Đây là Cánh Hoa Nhỏ của Đức Giêsu"*. Tôi hỏi thêm: *"Cánh Hoa Nhỏ của Đức*

Giêsu nghĩa là gì?". Ông nhìn tôi ngạc nhiên nói: *"Ồ, bạn không biết Thánh Nữ Têrêsa thành Lisieux sao?"*. Thế là ông bạn đưa cho tôi một cuốn sách tiếng Pháp nhan đề "Sainte Thérèse de l'Enfant Jésus", nội dung viết về tiểu sử và tư tưởng của Thánh Nữ Têrêsa Hài Đồng Giêsu. Tôi nghĩ rằng chính những tư tưởng này đã là một trong những chứng tá sâu xa nhất khiến tôi đặt vấn đề Kitô giáo. Tôi tự nhủ: *"Nếu Thánh Nữ này là một người tiêu biểu của Đạo Công giáo thì không một lý do nào khiến tôi không theo Đạo Công giáo"*.

Là người đang theo Đạo Tin Lành, tôi có quyền tự do chọn lựa giải thích nào hợp lý nhất, và Thánh Nữ Têrêsa là một giải thích hay nhất đối với tôi. Đó là lý do khiến tôi theo Đạo Công giáo. Khi tôi nói quyết định này cho ông Doãn Chí Hoàng, ông vui mừng khôn tả, và sau đó tôi biết là ông bạn đã cầu nguyện cho tôi từ mười năm nay. Giờ đây Thiên Chúa đã nhận lời cầu nguyện của ông, và điều đáng ghi nhận hơn cả là những hoàn cảnh mà Thiên Chúa quan phòng đã dẫn tôi đến sống trong gia đình ông bạn.

Từ khi tôi biết Thánh Nữ Têrêsa đáng yêu, tình yêu của tôi đối với Chị ngày càng lớn mạnh. Chị đã dạy tôi yêu mến Đức Giêsu và Mẹ Maria, Mẹ chúng ta. Chị đã làm một phép lạ cho gia đình tôi. Một hôm, con gái tôi bệnh nặng, bác sĩ nói là bị viêm phổi cấp tính, phải hết sức bảo trọng cháu và ít ra tám ngày sau mới biết có hy vọng cứu sống được cháu hay không. Bác sĩ này vốn là một người thành thật và có uy tín, nên vợ chồng chúng tôi không nghi ngờ gì về lời bác sĩ chẩn đoán. Khổ một nỗi là vợ tôi lại sắp đến ngày sinh, nếu cứ phải thức chăm sóc cháu chín mười ngày nữa, chắc chắn sẽ kiệt sức vì mệt mỏi lo âu. Bệnh của cháu cứ mỗi ngày một tăng. Vợ tôi sốt ruột khuyên tôi mời cha Maestrini đến rửa tội cho cháu. Thế là cháu được rửa tội. Rồi vợ tôi bế cháu đến quỳ trước ảnh Thánh Nữ Têrêsa cầu nguyện rất sốt sắng. Tôi không biết vợ tôi đã nói những gì. Mãi đến khi vợ tôi đứng dậy, tôi mới hỏi xem nhà tôi đã cầu nguyện gì với Thánh Nữ, nhà tôi trả lời: *"Có gì đâu, em chỉ nói đơn sơ với Chị Thánh là cháu Lan khó sống nổi, chắc là em không được làm mẹ cháu nữa đâu, xin Thánh Nữ nhận cháu làm con"*.

Sáng hôm sau bác sĩ lại đến. Ông đo nhiệt độ cho cháu và thấy nhiệt độ đã hạ xuống. Bác sĩ khám bệnh và thấy chứng viêm phổi đã biến mất. Chúng tôi chỉ biết thốt lên: *"Lạ quá! Lạ quá!"*. Sau đó tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện cho bác sĩ nghe và xin bác sĩ viết giấy chứng nhận về trường hợp khỏi bệnh lạ lùng này để tôi in vào cuốn tự thuật, bác sĩ trả lời: *"Ồ, dĩ nhiên là tôi sẵn sàng"*.

Tiếc rằng tôi không thể viết hết cuộc đời tôi trên những trang giấy này. Nhưng điều tôi muốn ghi nhận ở đây là việc vợ tôi trở lại Đạo Công giáo. Trước đó một thời gian, nhà tôi có đi lại làm bạn với bà Dung, một phụ nữ Công giáo đã nêu gương phẩm hạnh cho nhà tôi và đã nói cho nhà tôi về vẻ đẹp phong phú của Đạo Công giáo. Nhưng chính Thánh Nữ Têrêsa đã làm cho nhà tôi có đức tin mạnh mẽ vào Đức Giêsu Kitô. Riêng tôi chỉ còn việc dạy giáo lý cho nhà tôi. Tôi không bao giờ cảm thấy việc truyền bá đức tin cho gia đình tôi là cần thiết, nhưng Thiên Chúa đã yêu thương gia đình tôi quá sức đến nỗi chính Thiên Chúa đã đến làm chủ gia đình tôi trong căn nhà bé nhỏ của

chúng tôi. Những ân huệ lớn lao nhất trong muôn vàn hồng ân khác là hằng ngày gia đình tôi được Thiên Chúa đến dùng bữa với chúng tôi, như lời sách Khải huyền: *"Này đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta"* (Kh 3, 20). Bây giờ tôi đã học được cách cầu nguyện của vợ tôi, tôi chỉ cần nói một cách đơn sơ rằng: *"Con không đủ sức trả nợ Chúa, xin Chúa trả nợ thay cho con"*.

Trước khi kết thúc lời tựa này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với tất cả những ai, bằng cách này hay cách khác, đã giúp tôi soạn tập sách nhỏ này, cách riêng cám ơn cha Maestrini và ái nữ Têrêsa Lan, đã khuyến khích tôi rất nhiều. Đặc biệt, tôi dâng lời cảm tạ Đức Trinh Nữ Maria, người Mẹ mà tôi đã cầu nguyện trước khi viết tập nhỏ này: *"Mẹ ơi, xin Mẹ giúp con hoàn tất hình ảnh Thánh Nữ Têrêsa, đứa con yêu dấu của Mẹ, người Chị thiêng liêng rất đáng yêu của con"*.

Vì thế, nếu tập sách nhỏ này làm hài lòng bạn, bạn hãy cảm tạ Mẹ Maria. Còn nếu không làm hài lòng bạn thì đó là do lỗi tại tôi. Nhưng nếu tập nhỏ này làm hài lòng bạn mà không làm cho bạn yêu mến Chị Thánh Têrêsa và Bạn Tình Chí Thánh của Chị, thì lỗi đó là tại bạn đấy!

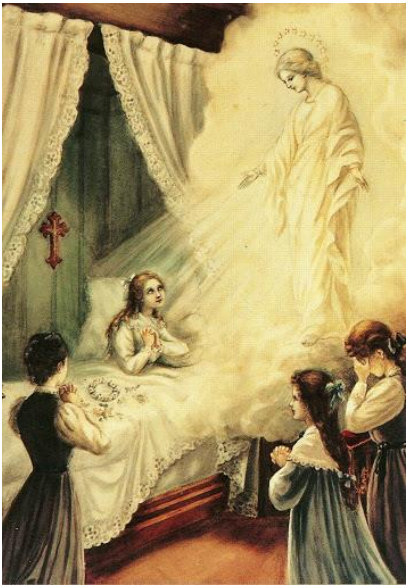

TÌNH YÊU VÀ KHOA HỌC

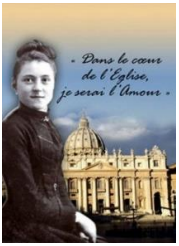

Một thời gian trước khi qua đời, văn hào Goethe đã nói với Eckerman: *"Văn minh nhân loại dù có tiến bộ đến đâu, kiến thức về vũ trụ dù có sâu rộng đến mấy, trí khôn con người dù có lên đến tột đỉnh, cũng không bao giờ có thể vượt qua sự cao siêu và toàn thiện về luân lý và văn hóa Kitô giáo như đã tỏa sáng trong Sách Phúc Âm"* [2].

Từ khi thốt lên những lời ấy, thời gian đã qua đi hơn một thế kỷ, và trong thời gian ấy khoa tâm lý học đã đề cập đến những khía cạnh uẩn khúc nhất của nhân sinh, nhưng thử hỏi chúng ta có vượt qua được nền luân lý văn minh cao thượng và hoàn hảo của Kitô giáo không? Thưa không! Giáo huấn của Chúa Giêsu như sao mai chiếu sáng và còn lan tỏa đến tận thế. Thật vậy, Đức Thánh Cha Piô XI

đã nói một câu đáng lưu ý: *"Kiến thức về khoa học tự nhiên giúp dẫn tới một kiến thức cao quý hơn nhiều, đó là kiến thức về thế giới siêu nhiên. Khoa học càng tiến bộ càng lôi kéo chúng ta đến gần đức tin sống động. Nền văn minh vật chất đã đến đúng lúc như đổ thêm nhiên liệu vào ngọn lửa tình yêu. Ngọn lửa yếu ớt sẽ bị nhiên liệu dập tắt, nhưng ngọn lửa rực rỡ mà được tăng thêm nhiên liệu thì càng bùng cháy mãnh liệt hơn"* [3].

Tôi vừa đọc một bản tình ca cổ điển Trung Hoa:

Một thôn nữ dịu hiền,
Ôi chao nàng kiều diễm!
Mang tặng tôi ống tiêu,
Màu hồng sao rực rỡ!
Xứng hợp với nàng xinh.
Tặng tôi chiếc chiếu đan,
Đẹp quý biết dường bao!
Nhưng chiếc chiếu đan ơi!
Mi sẽ chẳng đẹp gì,
Nếu không là quà tặng,
Với tất cả tình yêu!

Tôi tự hỏi một thiếu nữ thời nay sẽ tặng gì cho người yêu? Có thể nàng sẽ tặng chàng một món quà giá trị hơn, văn minh hơn thay vì tặng một ống sáo hoặc một chiếc chiếu đan như cô thôn nữ trong bản tình ca. Nhưng dù văn minh đến đâu, *"nếu không là quà tặng với tất cả tình yêu"* thì chẳng ý nghĩa gì, vì tình yêu không mất mát chi, trái lại chiếm được tất cả.

Như thế, làm sao khoa học có thể truất phế Kitô giáo, một tôn giáo tuyệt hảo về tình yêu? Theo tôi, không một ai đã diễn tả triết lý tình yêu hay bằng Thánh Phaolô [4]. Tôi xin phép trích đoạn thư gửi tín hữu Côrintô: *"Yêu thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác nhưng vui khi thấy điều chân thật. Yêu thì tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả. Tình yêu không bao giờ mất được"* (1 Cr 13,4-8).

Không ai có thiên tài như Thánh Phaolô, mà cũng không ai nói rằng tất cả quà tặng đều vô giá trị nếu không được ngọn lửa tình yêu chiếu sáng. Đó là ý nghĩa của những dòng

tuyệt mỹ sau đây: *"Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi"* (1 Cr 13.1-3).

Thiết tưởng tất cả sự hỗn độn của nền văn minh vật chất hiện nay là do tình yêu khoa học quá nhiều mà lại quá ít khoa học tình yêu.

Thánh Nữ Têrêsa viết: *"Khoa học tình yêu. Ôi! Hồn tôi cảm thấy những từ ấy êm dịu dường nào! Đối với khoa tình yêu này, dù tôi đã cho tất cả bảo vật của tôi như lời hôn thê trong sách Diễm ca, thiết tưởng tôi vẫn chưa cho gì cả"* [5].

Cho đi tất cả mà không cần tính toán, đó là tột đỉnh của tình yêu!

VÀI MẪU THÁNH NHÂN
MÁCTA VÀ MADALENA

Thực vậy, đối với người Công giáo, không có cách nào yêu mến Thiên Chúa hơn là yêu mến Đức Giêsu Con Một Ngài, vì nhờ Đức Giêsu, Thiên Chúa đã mặc khải chính mình cho nhân loại và Ngôi Lời Thiên Chúa đã mặc lấy bản tính loài người để con người được mang lấy bản tính Thiên Chúa. Ngôi Lời đã nhân-loại-hóa mối tương quan giữa thụ tạo với Đấng Tạo hóa. Yêu mến Đức Giêsu là yêu mến Thiên Chúa vì Đức Giêsu cũng là Thiên Chúa.

Nhưng Thiên Chúa còn là gì đối với chúng ta? Ngài là Cha của chúng ta. Phải, không những Ngài là Cha, Ngài còn là Mẹ của chúng ta. Phải, Ngài là Mẹ, và còn hơn thế nữa, Ngài là Bạn,

là Chị, là Hôn phu, là Chúa, là Vua và là Tất Cả của chúng ta. Mối tình giữa chúng ta với Ngài thật xúc tích, bao gồm tất cả Ngũ Thường của loài người và vô số những mối dây liên hệ khác. Chúng ta có thể gọi Thiên Chúa bằng nhiều danh xưng khác nhau, nhưng tất cả chỉ thích hợp với Ngài một cách tương đối, vì ngôn ngữ loài người có giới hạn, và ngoài giới hạn này, không còn xác định hơn được nữa mà chỉ có thể gợi lên một ý niệm nào đó thôi. Vì thế chúng ta có thể gọi Thiên Chúa bằng những danh xưng diễn tả các mối dây liên hệ giữa người với người, vì tất cả đều thích hợp với Ngài.

Chắc bạn nhớ câu Chúa Giêsu hỏi *"Ai là mẹ tôi? Ai là anh em tôi?"*, rồi Chúa chỉ các môn đệ và nói: *"Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi. Vì phàm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi"* [6]. Vì thế, Phêrô tuy là một người chài lưới quê mùa nhưng không những là anh của Chúa Giêsu mà còn là chị và là mẹ Ngài. Thiên Chúa nói bằng ngôn ngữ nghèo nàn của chúng ta như thế đó! Khi con người không tìm được những

từ ngữ thích đáng để diễn tả mối liên hệ giữa chúng ta với Ngài, thì chính Ngài đã mượn những hình ảnh và những từ ngữ diễn tả mối dây liên hệ giữa người với người để nói với chúng ta.

Trong các mối liên hệ ấy, thì ít ra đối với dân tộc Trung Hoa, tình vợ chồng là mối tình cốt yếu hơn cả. Chúng ta thấy rất nhiều vị thánh, trong số các thánh cao cả nhất, trinh khiết nhất và dịu hiền nhất, đã diễn tả mối liên hệ tình yêu của các ngài với Thiên Chúa như là tình phu thê. Đây là những từ ngữ nhân loại được nâng cao hơn hết để nói lên tình yêu giữa Thiên Chúa và con người. Còn lời nào đẹp hơn những lời của sách Diễm ca:

"Hãy dùng môi miệng hôn em,
Tình chàng thi vị hơn là rượu nho,
Dầu thơm thượng hạng còn thua"
Em vừa rời họ không lâu,
Bỗng nhiên gặp được người yêu tâm hồn,
Ôm chầm lấy, giữ lại luôn,
Đem vào tư thất mẫu thân em liền"
(Dc 1,2-3; 3,4).

Tất cả các thánh đều yêu Chúa nồng nàn, nhưng có vị yêu Chúa như là Cha, là Chúa; vị khác lại yêu Chúa như là Bạn, là Anh, là Người Yêu của mình. Chính những cách yêu phong phú đó đã làm nên nhiều thánh nhân tiêu biểu khác nhau, và nhờ các ngài, Thiên Chúa đã dọn sẵn cho chúng ta nhiều chỗ trên Trời. Chẳng hạn ở Bêtania, hai chị em Mácta và Maria, mỗi người có một cách yêu Chúa khác nhau. Thánh Luca đã vẽ lại cho chúng ta một bức họa sống động về hai chị em này:

"Trong khi thầy trò đi đường, Đức Giêsu vào làng kia. Có một người phụ nữ tên là Mácta đón Người vào nhà. Cô có người em gái tên là Maria. Cô này cứ ngồi bên chân Chúa mà nghe lời Người dạy. Còn cô Mácta thì tất bật lo việc phục vụ. Cô tiến lại mà nói: 'Thưa Thầy, em con để mình con phục vụ, mà Thầy không để ý tới sao? Xin Thầy bảo nó giúp con một tay!' Chúa đáp: "Mácta! Mácta ơi! Chị băn khoăn lo lắng nhiều chuyện quá! Chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi. Maria đã chọn phần tốt nhất và sẽ không bị lấy đi" [7].

Chúng ta hãy xem một cảnh khác trong Phúc Âm theo thánh Luca: Maria Madalena đã yêu nhiều:

"Có người thuộc nhóm Pharisêu mời Đức Giêsu dùng bữa với mình. Đức Giêsu đến nhà người Pharisêu ấy và vào bàn ăn. Bỗng một phụ nữ vốn là người tội lỗi trong thành, biết được Người đang dùng bữa tại nhà ông Pharisêu, liền đem theo một bình bạch ngọc đựng dầu thơm. Chị đứng đằng sau, sát chân Người mà khóc, lấy nước mắt mà tưới ướt chân Người. Chị lấy tóc mình mà lau, rồi hôn chân Người và lấy dầu thơm mà đổ lên. Thấy vậy, ông Pharisêu đã mời Người liền nghĩ bụng rằng: 'Nếu quả thật ông này là ngôn sứ, thì hẳn phải biết người đàn bà đang đụng vào mình là ai, là thứ người nào: một người tội lỗi!' Đức Giêsu lên tiếng bảo ông: 'Này ông Simôn, tôi có điều muốn nói với ông!' Ông ấy thưa: 'Dạ, xin Thầy cứ nói.' Đức Giêsu nói: 'Một chủ nợ kia có hai con nợ: một người nợ năm trăm quan tiền, một người năm chục. Vì họ không có gì để trả, nên chủ nợ đã thương tình tha cho cả hai. Vậy trong hai người đó, ai

mến chủ nợ hơn?' Ông Simôn đáp: 'Tôi thiết tưởng là người đã được tha nhiều hơn.' Đức Giêsu bảo: 'Ông xét đúng lắm.' Rồi quay lại phía người phụ nữ, Người nói với ông Simôn: "Ông thấy người phụ nữ này chứ? Tôi vào nhà ông: nước lã, ông cũng không đổ lên chân tôi, còn chị ấy đã lấy nước mắt tưới ướt chân tôi, rồi lấy tóc mình mà lau. Ông đã chẳng hôn tôi một cái, còn chị ấy từ lúc vào đây, đã không ngừng hôn chân tôi. Dầu ôliu, ông cũng không đổ lên đầu tôi, còn chị ấy thì lấy dầu thơm mà đổ lên chân tôi. Vì thế, tôi nói cho ông hay: tội của chị rất nhiều, nhưng đã được tha, bằng cớ là chị đã yêu mến nhiều" [8].

Tại sao tôi lại nói dài dòng về người nữ này? Thưa, vì nàng là kiểu mẫu đầu tiên của chị Têrêsa thành Lisieux; nàng đã biết nghệ thuật yêu: cho đi tất cả mà vẫn có cảm tưởng chưa cho gì hết. Chính chị Têrêsa cũng đã viết trong Một Tâm Hồn: *"À, nhất là tôi bắt chước thái độ của Madalêna. Sự táo bạo phi thường, hay đúng hơn, sự táo bạo đáng yêu đã quyến rũ con tim Đức Giêsu, và nay lại lôi cuốn tôi"* [9].

TÌNH YÊU
TỰ NHIÊN và SIÊU NHIÊN

Têrêsa cũng như Madalêna đã yêu Đức Giêsu bằng tình yêu của một vị hôn thê. Với tấm lòng trinh khiết thơ ngây, Chị viết:

"Tám ngày sau lễ đội lúp, cô Jeanne là em họ lấy ông bác sĩ Néele, đã đến thăm đan viện, có nói chuyện cách thức cô em đã chiều chồng mới cưới. Con nghe câu truyện, rất ấn tượng, và con định tâm quyết chiều Bạn Tình của con, không chịu thua người phụ nữ ngoài đời chiều chồng nay còn mai mất. Khi ấy tim con nóng lên vì cảm hứng mới, con quyết tâm cố gắng

hơn nữa trong mọi việc để làm đẹp lòng vị Hôn Thê Trên Trời đã thương chọn con làm bạn trăm năm" [10].

Trong một bức thư gửi chị Céline, Têrêsa viết:

"Chúng ta hãy làm cho tâm hồn chúng ta trở thành một vườn hoa hoan lạc để Chúa Cứu thế hiền dịu của chúng ta đến nghỉ ngơi. Hãy trồng thật nhiều hoa huệ tinh khiết trong vườn này, vì chúng ta là trinh nữ, và chúng ta cũng đừng quên rằng giữ mình đồng trinh là âm thầm từ bỏ mọi yêu chiều của thế gian, không phải chỉ từ bỏ những yêu chiều vô ích nhưng tất cả mọi yêu chiều" [11].

Chị Têrêsa còn viết:

"Những vị đại thánh làm việc để vinh danh Thiên Chúa, còn con chỉ là một tâm hồn nhỏ bé nhất, chỉ làm việc để làm vui lòng Ngài. Con muốn ở trong tay Chúa nhân lành như một đóa hoa nhỏ, một cánh hồng vô ích, nhưng màu sắc và hương thơm sẽ làm cho Ngài thêm vui" [12].

Người ta có cảm tưởng như nghe chính thánh nữ Madalena nói vậy.

Tôi thiết nghĩ rằng tình yêu của người nữ thường sâu xa và lâu dài hơn người nam. Nhà viết kịch Laurence Housman cũng nói rằng: *"A! Chàng có một tình yêu mặn nồng rực cháy khi được gần gũi nàng. Còn nàng có một tình yêu lâu dài và hưng phấn trong chính lúc chờ đợi chàng"* [13].

Không những nữ giới biết nhẫn nại nhiều hơn mà còn có tài chịu đựng nhiều hơn nam giới. Nhà thơ John Masefield nói rằng: *"Tôi biết vẻ đẹp rực rỡ của nữ giới mỗi khi nàng yêu: bạn ơi, chính là cho chứ không phải là nhận; đó là những lúc vất vả bên bếp lửa, ngay cả khi nàng mang thai; đó là những lúc vừa ẵm con vừa làm việc; đó là những lúc nàng nghe từng tiếng rên của người chồng đau yếu"* [14]. Người nữ chỉ cần quy hướng về Chúa tất cả tình yêu quảng đại của mình đối với chồng cũng đã ở ngưỡng cửa Thiên đàng rồi.

Chị Têrêsa đã được sinh ra trên đời này với một thiên tài về tình yêu, tình yêu phi thường của một người nữ. Tình cảm của Chị thật sâu đậm với cha mẹ, với các chị gái, với anh em họ hàng và những người hàng xóm láng

giềng. Ngay từ nhỏ, Chị đã giàu lòng thương cảm đối với người nghèo, đầy lòng trắc ẩn đối với các tội nhân.

Chị có một trái tim rực lửa tình yêu, một trái tim kết hiệp với Thiên Chúa. Lúc còn nhỏ Chị đã ý thức được định mệnh cao cả của mình, nhưng chị không kiêu ngạo vì Chị biết rõ đó là ơn Chúa thương ban cho Chị. Càng nhiều tài năng, Chị càng khiêm tốn. Tự nhiên và Ân sủng đã làm cho Chị trở nên một vị đại thánh: bản tính tự nhiên của Chị mang một tình yêu nồng cháy, và ân sủng của Thiên Chúa đã hướng tình yêu ấy lên trước Thánh Nhan. Chị Têrêsa không ngây ngất say mê Đức Giêsu biến hình trên núi Tabôrê, nhưng say mê Đức Giêsu vững bước lên núi Canvê. Chị cho biết: *"Chính những lời ngôn sứ Isaia sau đây đã đặt nền móng cho lòng tôn kính Thánh Nhan và*

cho lòng đạo đức của con: *'Người mất hết vẻ đẹp huy hoàng chói lọi, dung nhan Người hình như đã khuất dạng, chúng ta nhìn Người mà không nhận ra Người nữa'. Con cũng thế, con ao ước được như Đức Giêsu: không còn huy hoàng diễm lệ, không còn một tạo vật nào nhìn ra nữa"* [15].

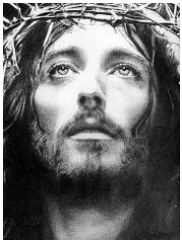

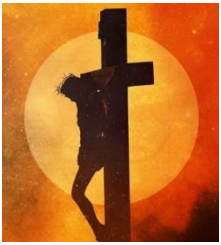

Đối với tôi, chính lời tự sự này mang một ý nghĩa quan trọng, là đặc điểm nổi bật nơi Chị Thánh, làm cho tình yêu của Chị đối với Đức Giêsu đượm tính hào hùng: *"Nhiều người chỉ phụng sự Chúa khi được Chúa ban ơn an ủi, nhưng rất ít người chịu làm bạn với Chúa khi chèo thuyền gặp sóng gió bão táp mà Chúa cứ ngủ, hoặc khi Chúa chịu đau khổ trong Vườn Cây Dầu. Ai là người đã phụng sự Đức Giêsu vì chính Đức Giêsu? Thưa, đó chính là Chị Têrêsa"* [16].

Ôi tình yêu hào hiệp nơi trái tim người nữ ấy! Thánh Phanxicô đệ Salê đã nói: *"Tình yêu làm cho những người yêu nhau nên giống nhau"* [17]; thiết tưởng Đức Giêsu đánh giá cao những người có một tình yêu táo bạo hơn là những người bạn lịch sự lạnh lùng. Chị Têrêsa dám gọi vị Hôn Phu Chí Thánh của Chị là người ăn cắp, người điên, người yêu mù quáng, không tính toán… thế mà Đức Giêsu lại yêu Chị nhiều hơn, vì trên môi Chị Thánh Têrêsa, những kiểu nói ấy lại hàm chứa một cung cách dịu dàng trìu mến. Tình yêu sâu đậm của Chị đối với Đức Giêsu đã thể hiện rõ nét qua cử chỉ nhỏ bé này: người ta trao cho Chị một cây thánh giá, Chị ôm chặt vào lòng và nói: *"Người đã chết rồi. Tôi yêu Người hơn khi Người hấp hối, vì thiết tưởng khi Người đã chết rồi thì Người không còn đau khổ nữa"* [18].

Quả thật, chỉ người nữ mới có được một tình yêu như thế!

TÌNH YÊU CHÂN THÀNH

Chị Têrêsa yêu chính vị Hôn Phu Chí Thánh của mình, chứ không phải chỉ yêu những viên kim cương quý giá của người mình yêu. Tất cả những gì Chị mong muốn là làm hài lòng Đức Giêsu. Chị đã chinh phục được Ngài bằng cách âm thầm âu yếm Ngài. Chị biết Ngài là một vị Hôn phu ngại ngùng, không thích kiểu đóng kịch vồn vã yêu thương. Chị đã nhẹ nhàng lẻn vào tim Ngài cho đến khi biết hết đường đi lối lại trong tim. Chị đã khôn ngoan như con rắn lách mình vào tận những chỗ sâu thẳm nhất trong trái tim Bạn Tình mà không bao giờ làm cho Bạn Tình mệt mỏi vì cảm thấy bị quấy rầy. Chị đã cột chặt mình với Bạn Tình mà không cần dây thừng hay vòng thép: *"Những người*

bạn mà anh đã cảm thấy keo sơn, anh hãy lấy vòng thép mà cột chặt lòng anh với người bạn ấy" (Shakespear) [19]. Lão Tử xem ra gần với Chị Têrêsa hơn: *"Những mối ràng buộc bền chặt nhất không phải làm bằng dây bằng nút mà vẫn không ai có thể cởi ra được"*. Chính Chị Têrêsa đã khẳng định điều này với Mẹ bề trên Marie: *"Anh Giêsu có thể lấy lại tất cả những gì Anh ấy đã cho con. Mẹ hãy nói với Anh ấy rằng đừng ngại lánh mặt con, con sẵn sàng chờ đợi cho đến khi ngày không còn nữa hoặc đức tin của con không còn nữa"* [20]. Những dòng đầy xúc động này khiến tôi muốn trích dẫn nguyên văn tiếng Pháp: *"Tout ce qu'il ma donne, Jésus peut le reprendre, Dis-lui de ne jamais se gener avec moi; Il peut bien se cacher, je consens a l'attendre jusqu'au jour sans couchant ou s'éteindra ma foi"* [21].

Chị Thánh đã viết những dòng trên vào những ngày Chị cảm thấy Đức Giêsu xa Chị. Tình yêu đã đem lại những niềm hy vọng mà đức tin không đem lại được. Chị đã biết rõ Đức Giêsu nên Chị không sợ Ngài bỏ rơi Chị. Khi còn nhỏ, Chị đã viết cho chị Pauline: *"Vinh danh Chúa*

Giêsu, đó là tất cả tham vọng của em. Em đã dâng hiến cho Ngài chính bản thân em, mà giả như Ngài quên em thì thôi! Ngài được tự do, vì em không thuộc về em nữa mà đã thuộc về Ngài. Ngài sẽ sớm mệt mỏi vì bắt em chờ đợi hơn là em chờ đợi Ngài!" [22].

Không phải là Chị Têrêsa tin vào sức quyến rũ của mình mà là Chị tín thác tuyệt đối vào lòng nhân lành của Chúa Toàn năng, Đấng không thể không chung thủy với những ai yêu mến Ngài. Hơn nữa, chính vì Chị Têrêsa không mong ước được phần thưởng nào hết, nên Chúa sẽ thưởng Chị, và phần thưởng ấy sẽ lớn lao dường nào! Chị không ước ao được chói sáng như những viên bích ngọc, cũng không muốn được ngân vang như những tiếng chuông vàng. Chị muốn là một hạt cát thấp hèn, nhỏ bé, có thể bị dẫm đạp dưới chân, không ai biết đến; Chị chỉ muốn tỏa hương thơm cho một mình Chúa thôi. Nhưng Chúa lại không chịu thua lòng quảng đại của Chị. Ngài đã biến hạt cát ấy thành một vì sao sáng lấp lánh muôn vàn hào quang, và đã làm cho khắp vũ trụ lan tỏa hương thơm của một cánh

hoa nhỏ sớm tàn. Người ta tự hỏi không biết bây giờ tâm hồn Chị Thánh cảm thấy thế nào. Thiết tưởng Chị vẫn một lòng như những ngày còn sống dưới thế:

"Con chỉ là một tâm hồn nhỏ bé mà Chúa nhân lành đã ban đầy ân sủng, và con không vì thế mà hãnh diện. Hãy xem chiều nay mặt trời lặn nhuộm vàng ngọn cây thế nào, thì tâm hồn con cũng thế: xem ra huy hoàng tráng lệ là vì được chiếu sáng bởi những tia tình yêu. Nếu Mặt trời linh thánh không chiếu sáng nơi con, thì con sẽ trở thành tối tăm mù mịt ngay" [23].

Đây có phải là khiêm tốn giả tạo không? Thưa, không. Đây là một sự thật, một sự thật không hơn không kém. Những ai đã thấu hiểu sâu xa về quyền năng và tình yêu của Thiên Chúa như Chị, đã cảm nhận sự cao cả vô biên của Thiên Chúa và sự hư vô của bản thân mình như Chị, thì dù muốn, cũng không thể nào tự kiêu, tự phụ nữa.

THIÊN CHÚA
NHƯ MỘT NGƯỜI TÌNH

Đôi khi tôi nghĩ về Thiên Chúa như một tình nhân biết thử lòng người yêu. Thường xẩy ra là nếu bạn muốn một điều gì thì Thiên Chúa lại cố ý làm cho điều đó không đến với bạn. Nếu bạn ghét một điều gì thì Ngài lại cố ý đem đến cho bạn điều đó. Giống như tất cả những người yêu nhau thực sự, Ngài muốn biết tình yêu của bạn dành cho Ngài có chân thật và thuần khiết hay không. Nhưng không giống như những người tình khác, Ngài không bao giờ có thể bị lừa dối bởi bất kỳ biểu hiện tình yêu nào thiếu chân thành. Chỉ một chút ý muốn trục lợi cá nhân cũng đủ làm cho Ngài

xa bạn. Vì thế, nếu Ngài muốn bạn thuộc trọn về Ngài, Ngài sẽ gửi đến cho bạn hết thử thách này đến thử thách khác, cho đến khi nào bạn đoạn tuyệt với mọi ràng buộc thế gian và những ham muốn trần tục.

Chị Têrêsa là một trẻ thơ dễ dạy, đến nỗi chỉ cần một gợi ý thì thầm của Chúa là đủ, trong khi những người khác Chúa phải cảnh cáo bằng sấm sét, thậm chí bằng bão tố. Chị biết đầu tư mọi trải nghiệm nhỏ nhặt trong cuộc đời ngắn ngủi của mình thành một tài khoản kếch xù. Tâm hồn Chị giống như một cuốn phim cực kỳ bén nhạy ghi lại những chuyển động nhỏ nhất của ân sủng. Chị không bỏ qua một bài học nào, lại thấm nhuần ơn Chúa Thánh Thần, đến nỗi mọi thứ đối với Chị đều trở thành hình ảnh về Chân lý và biểu tượng của Tình yêu. Trong hai mươi bốn năm, Chị đã học về Chúa nhiều hơn những gì nhân loại có thể học được trong hai mươi thế kỷ. Đúng như Chị đã viết: *"Tình yêu có thể thay thế trường thọ"* [24]:

"Thiết tưởng Thiên Chúa nhân từ không cần nhiều năm để hoàn thành công trình yêu

thương của Ngài nơi một tâm hồn. Một tia sáng từ Trái tim Ngài có thể ngay lập tức khiến nụ bông nở hoa vĩnh cửu" [25].

Chẳng hạn, có bao nhiêu người trong chúng ta đã được giải phóng khỏi sự thống trị của con quái vật trăm đầu có tên là dư luận? Nhưng Têrêsa đã giết chết con quái vật ấy ngay lần chạm trán đầu tiên lúc mười sáu tuổi. Đây là những gì một nữ tu đã ghi lại:

"Têrêsa nhỏ thường phải chích thuốc và úp ly vào hông. Một hôm Chị đau quá, nên giờ chơi phải nằm nghỉ trong nhà, lúc ấy Chị nghe dưới bếp có tiếng nói: 'Chị Têrêsa Hài đồng sắp chết rồi! Chị chết đi không biết Mẹ Bề trên phải nói sao về Chị! Chắc Mẹ sẽ lúng túng lắm, vì Chị Têrêssa đáng yêu thật nhưng Chị chẳng làm gì nên chuyện đáng nói'. Chị phụ trách phòng bệnh cũng nghe thấy, đã nói với Têrêsa: 'Nếu Chị để tâm nghe lời bình phẩm, hẳn Chị sẽ nhận thấy rất sai lầm'. Chị Têrêsa trả lời: 'Lời bình phẩm! A! Phúc cho em lắm! Thiên Chúa đã ban cho em ơn dửng dưng đối với những lời người ta bình phẩm. Khi em mặc tu phục được mấy hôm, em lên gặp Mẹ

Bề trên. Lần đó một chị nhà bếp cũng đang đứng đấy, trông thấy em vào đã nói ngay với Mẹ Bề trên rằng: 'Thưa Mẹ, có chị này vào nhà tập, hân hạnh thật! Chị tươi vui lắm! Chắc Chị có thể giữ Luật Dòng được đến cùng!' Em đang vui về những lời khen ấy thì tiếp ngay một chị khác đến, nhìn em và nói: 'A! Chị Têrêsa! Sao coi chị mệt mỏi thế? Nhìn chị, em phải rùng mình! Nếu cứ thế này mãi, chắc chị chẳng giữ Luật Dòng đến cùng được đâu!' Dù bấy giờ em mới 16 tuổi, nhưng sự việc ấy đã làm em rất ấn tượng, đến nỗi từ đó em không còn bận tâm đến những lời người ta bình phẩm nữa" [26].

Đức Khổng Tử nói: *"Ai không cảm thấy tức giận khi người khác không hiểu mình, người đó đúng là quân tử"*. Tuy nhiên, nói vẫn dễ hơn làm. Chỉ khi nào người ta hoàn toàn hiệp thông với Thiên Chúa thì mới có thể từ bỏ thế gian và từ bỏ chính mình. Chị Têrêsa là người say mê Chúa, nên có đủ nghị lực để từ bỏ những thứ khác. Mọi nhân đức của Chị đều phát xuất từ động lực ấy. Thật hạnh phúc cho một tâm hồn đã nghĩ được rằng:

“Tâm hồn em hằng tràn đầy thánh ý Chúa, ai muốn đổ gì vào cũng không lắng xuống được mà chỉ trượt đi như giọt dầu rơi trên mặt nước. Ôi! Nếu tâm hồn em không đầy tràn thánh ý Chúa, mà cứ luôn bận tâm đến những vui buồn liên tiếp xẩy đến, thì thật là nguồn sầu nguồn khổ cho em! Nay tất cả những nỗi lo âu chỉ phớt qua tâm hồn em như gió thoảng, em luôn được yên hàn điềm tĩnh hưởng bình an sâu xa tận cõi lòng, không gì có thể khiến lòng em xao xuyến nữa” [28].

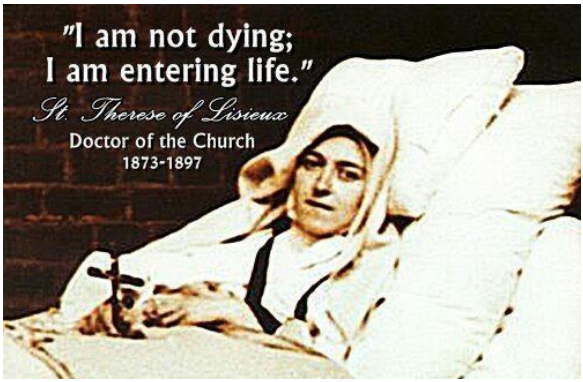

TỬ ĐẠO VÌ YÊU

Càng nghiên cứu về tính cách của Chị Têrêsa tôi càng thấy mình bị cuốn hút và càng yêu mến Chúa Giêsu, nghệ nhân tuyệt vời nơi các tâm hồn. Thật đáng thán phục một thiếu nữ 15 tuổi đã viết cho chị ruột của mình như sau:

"Tình yêu có thể đảm đương được mọi việc; những việc khó khăn nặng nhọc nhất dường như trở nên nhẹ nhàng và êm ái. Chị cũng quá biết Chúa không xét việc ta làm lớn hay nhỏ, khó hay dễ, một chỉ xét ta yêu nhiều hay ít khi làm thôi. Vậy thì chúng ta phải sợ điều gì?". Đến đây tôi sực nhớ một câu ngạn ngữ Trung Hoa: *"Bao lâu chồng vợ yêu nhau, dù đi khất thực cũng đâu nề gì"*.

Đối với Hôn phu Chí thánh, Chị Têrêsa đã muốn chịu mọi đau khổ của các vị tử đạo và còn muốn hơn thế nữa. Cuộc sống của Chị là một cuộc tử vì đạo liên lỉ, một chùm những hy sinh nho nhỏ. Chị muốn tử vì đạo theo cách mà người khác không biết. Chủ nghĩa anh hùng của Chị đạt đến một tầm cao đến mức hết sức bình thường, không thấy vẻ anh hùng nữa. Bằng châm ngôn sống và bằng gương sáng, Chị đã đào sâu, thúc đẩy và mở rộng ý tưởng về tử đạo, và đã mang lại cho bản thân Chị cũng như cho người khác con đường nên thánh bằng cách quy hướng tất cả về Tình yêu:

"Khác xa những tâm hồn cao cả sống đời khổ hạnh từ nhỏ, tôi đã sống khổ hạnh bằng cách không chiều theo ý riêng, không tranh cãi với người khác, giúp đỡ tha nhân bằng những việc nhỏ mọn mà họ không biết..., và trăm ngàn cách tương tự" [29].

Chị Têrêsa tử đạo không phải bằng cách bị chém đầu, bị xử bắn hay bị ném vào vạc dầu sôi, là cách chỉ dành cho một số ít trường hợp đặc biệt, nhưng bằng những hy sinh trong đời sống hằng ngày của Chị. Cuộc sống thường có

những hy sinh như thế mà nếu cứ mong đợi những đau khổ lớn lao đến thì chết đói mất! Chị Têrrêsa đã làm cho từng ngày trong đời chúng ta có một giá trị mới và một ý nghĩa mới. Chị đã thực hiện câu nói của nhà văn Georges Herbert: *"Ai quét nhà vì vâng ý Chúa, người ấy đã làm một việc tốt"*.

Thực ra Chúa không cần những hy sinh của chúng ta, nhưng coi những hy sinh đó như những biểu hiện tình yêu của chúng ta. Nếu chúng ta yêu Chúa bằng một con tim sốt mến và tận hiến, thì tất cả những việc chúng ta làm hoặc những điều thiếu sót, những gì chúng ta nói ra hoặc giữ kín đều trở thành những hy sinh nho nhỏ như những bông hoa tỏa hương thơm, nhờ đó chúng ta chiếm được trái tim Chúa.

Có một câu nói của người Trung Hoa: *"Nếu bạn không khéo vẽ hình con hổ thì sẽ thành hình con chó; nếu bạn không khéo khắc hình con thiên nga thì ít ra cũng thành hình con vịt"*. Vì thế, những tâm hồn nhỏ bé nên bắt chước Chị thánh Têrêsa hơn là noi gương những vị thánh lớn thời xưa, vì con thiên nga

và con vịt là những loài chim cùng một giống, trong khi hổ và chó, theo quan niệm người Trung Hoa, là hai giống hoàn toàn khác nhau.

Thế nhưng, máu của chúng ta có giá trị như thế nào mà có thể tăng thêm giá trị cho máu Đức Kitô? Một giọt nước nhỏ bé thì nghĩa lý gì so với một đại dương bao la? Tuy nhiên, khi cần phải đổ máu, thì máu chúng ta là một dấu hiệu khiêm tốn nói lên tình yêu của chúng ta đối với Thiên Chúa, nhưng chỉ như một dấu hiệu thôi chứ không phải là dấu hiệu duy nhất. Nói cách khác, "Tử Đạo Vì Yêu" bao gồm mọi hình thức hy sinh hãm mình và còn thêm vào đó một cái gì mới mẻ. Có nhiều người dám hiến thân vì Công lý, nhưng ít ai biết hiến thân vì Tình yêu. Chị Têrêsa không phải là người đầu tiên nghĩ ra cách tử đạo này. Tất cả các thánh ít nhiều đều là những vị tử đạo vì yêu. Nhưng không thể phủ nhận rằng Chị Têrêsa, hay đúng hơn là Chúa Thánh Thần hoạt động nơi Chị, đã đội triều thiên rạng rỡ cho cách tử đạo này, đã làm cho giáo lý cơ bản này được quan tâm hơn và rõ ràng hơn.

Sự thánh thiện giống như một kim tự tháp, đỉnh càng cao, đáy càng rộng, thì thể tích càng lớn. Đây là kim tự tháp của Chị Têrêsa: đỉnh là tình yêu, đáy là bản tính tự nhiên, thể tích là tất cả những công việc thường ngày. Nơi Chị, cái đơn giản nhất đi đôi với cái phức tạp nhất. Khi chọn MỘT (tình yêu) là Chị chọn tất cả.

Trong một bài tiểu luận đặc sắc tựa đề *"Tôn giáo có ý nghĩa gì đối với tôi?"*, Phu nhân Tưởng Giới Thạch đã tóm tắt bản chất Kitô giáo bằng những lời sau đây: *"Cuộc sống thực ra rất đơn giản, nhưng chúng ta đã làm cho nó trở thành phức tạp biết bao! Trong nghệ thuật cổ đại Trung Hoa, chỉ có một vật thể nổi bật trên bức họa, chẳng hạn một bông hoa, còn tất cả những cái khác đều phụ thuộc vào đó. Đời sống trọn lành cũng thế, bông hoa độc nhất ấy là gì? Giờ đây tôi cảm nghiệm rằng đó là thánh ý Thiên Chúa"* [30]. Tôi trích dẫn những lời này, vì đối với tôi, những lời này thật ăn khớp với đời sống Chị Têrêsa.

MỘT TRẺ THƠ LÃO LUYỆN

Đời sống Chị Têrêsa không phải chỉ là một giai điệu đơn giản nhưng là một bản giao hưởng tuyệt diệu. Têrêsa là một trẻ thơ, nhưng là một trẻ thơ tinh tế, đơn sơ như chim bồ câu nhưng khôn ngoan như con rắn. Con đường thơ ấu thiêng liêng thực sự là con đường trưởng thành nhất. Trong thời gian mắc bệnh hiểm nghèo, Chị từng nói: *"Cứ để cho Thiên Chúa là Cha làm gì thì làm; Ngài biết rõ Ngài cần phải làm gì cho đứa con thơ bé của Ngài"* [31]. Chị ruột Têrêsa là nữ tu Marie Thánh Tâm hỏi Têrêsa: *"Vậy em là một đứa trẻ thơ à?"*. Têrêsa nghiêm nét mặt trả lời: *"Đúng thế! Nhưng là một trẻ thơ khôn ngoan, một trẻ thơ lão luyện"*.

Phải chăng Chị kiêu ngạo? Không, hơn ai hết, Chị biết sự khôn ngoan từ đâu đến: *"Các thánh trên trời mà em quý mến đều là những vị đã cướp Nước thiên đàng, chẳng hạn như Các Thánh Anh Hài, như Người trộm lành. Các vị Thánh cao cả được hưởng phúc Thiên đàng nhờ công nghiệp lớn lao mà các ngài đã lập được; còn em, em muốn bắt chước kẻ trộm, em muốn chiếm Nước thiên đàng bằng mưu kế: mưu tình yêu; tình yêu sẽ mở cửa thiên đàng cho em và cho những tội nhân đáng thương khác. Chúa Thánh Thần đã khích lệ em khi ban bố những lời này trong sách Châm ngôn: "Hỡi những ai bé mọn nhất, hãy đến, hãy học nơi Ta sự khôn ngoan"* [32].

Điều hấp dẫn ở đây là một vụ trộm công khai. Thiên Chúa đã để yên cho Chị chiếm được Thiên đàng vì Chị đã để cho Thiên Chúa chiếm được Chị: *"Đấng ăn trộm có lẽ sớm đến ăn trộm chùm nho của Ngài. Em đã thoáng thấy Ngài và cố giữ cho em khỏi la lên "Kẻ trộm! Kẻ trộm!" Em còn gọi kẻ trộm đến nữa là đàng khác: "Đi lối này! Đi lối này!"* [33].

Lão Tử đã nói: *"ĐỨC vững chắc giống như một kẻ trộm"* [34]. Tôi trộm nghĩ: Thánh Thần Chân Lý lại không có một vài điểm giống như thần trộm cắp, thần lừa đảo và bịp bợm sao? Và có lẽ đó là lý do tại sao, tất cả con cái Thiên Chúa, theo Thánh Phaolô, *"bị coi là bịp bợm, nhưng kỳ thực chúng tôi chân thành; bị coi là vô danh tiểu tốt, nhưng kỳ thực chúng tôi được mọi người biết đến; bị coi là sắp chết, nhưng kỳ thực chúng tôi vẫn sống; coi như bị trừng phạt, nhưng kỳ thực không bị giết chết; coi như phải ưu phiền, nhưng kỳ thực chúng tôi luôn vui vẻ; coi như nghèo túng, nhưng kỳ thực chúng tôi làm cho bao người trở nên giàu có; coi như không có gì, nhưng kỳ thực chúng tôi có tất cả"* [34].

Những chân lý cao siêu nhất chỉ có thể cảm nghiệm chứ không lý giải được, không diễn tả được. Cô bé tinh khôn đã biết rõ điều ấy: *"Trong truyện các thánh ẩn tu có chép một tích lạ này: một thầy ẩn tu đã cải hóa được một thiếu nữ mê dân trắc nết và làm gương xấu trong địa phương mình. Nghe thầy khuyên bảo, người nữ trắc nết được ơn Chúa thôi thúc mạnh mẽ đã thống hối ăn năn ghét*

tội hết lòng hết sức và quyết tâm theo thầy ẩn tu để hãm mình đền tội. Khi lên đường, mới đi được một đêm, chưa kịp đến nơi đền tội, người nữ tội lỗi đã lăn ra chết, chết vì lòng đau đớn quá sức, chết vì lửa kính mến cháy trong linh hồn quá mạnh! Trong giây phút ấy, thầy ẩn tu nhìn thấy nhiều thiên thần từ trời xuống rước linh hồn người nữ ấy lên hưởng phúc thiên đàng, và Thiên Chúa đã ãm linh hồn người ấy vào lòng rất thiết tha âu yếm. Trời đất ơi! Đó là một truyện vô cùng cảm động, minh chứng những điều con ao ước nói mà chẳng nói nên lời" [35]. Quả thật, Chị Têrêsa, giống Đấng Quan Phòng, có đôi mắt luôn rộng mở; không phải chính Chị nói mà là Chúa Thánh Thần nói qua miệng lưỡi Chị.

Những tiến bộ của khoa Tâm lý học hiện đại đã làm cho con người quan tâm đến bản thân mình nhiều hơn bao giờ hết. Phương dược không phải là lui về cõi vô thức, hơn nữa không thể lui về như thế được, nhưng là tiến thêm một bước nữa để tìm gặp Thiên Chúa tận đáy lòng thầm kín nhất của chúng ta. Để trốn thoát những tiêu cực nơi thành thị,

chúng ta nuôi ảo vọng về miền quê, nhưng khi về miền quê chúng ta lại mang thành thị theo chúng ta. Như thế là chúng ta chỉ lùi bước thôi! Chúng ta cứ là người thành thị cho đến khi có chỗ trong đô thị của Thiên Chúa, một đô thị cổ kính hơn hết các đô thị và hơn cả miền quê. Ước vọng của tôi là gặp được những người thích ngụy biện để thấy cái đê tiện của thuyết ngụy biện; là gặp được những người chuộng thuyết hồ nghi để biết nghi ngờ những cái hồ nghi riêng của họ; là gặp được những người theo thuyết ngộ đạo để đừng say mê sự ngộ đạo của họ, hơn nữa để yêu những gì cao cả hơn chính bản thân họ.

J.W.N. Sullivan đã viết trong cuốn "Những giới hạn của khoa học": *"Tôi nghĩ rằng sự phát triển ý thức chắc chắn là yếu tố quan trọng nhất của sự tiến hóa"* [36]. Các nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ hay nhạc sĩ nổi tiếng làm chúng ta chú ý đến những điều mà chúng ta không bao giờ để ý. Họ mở rộng và tinh luyện một vài yếu tố trong kinh nghiệm của chúng ta, đem lại cho chúng ta một kiến thức hoàn hảo hơn và một sự tự chủ mạnh mẽ hơn trong cuộc sống. Đối với tôi, thánh

Têrêsa là một mô hình rõ nét về đời sống thiêng liêng trong thời đại chúng ta, bởi vì Chị rất sành sỏi về đời sống nội tâm của mình. Chị thâm thúy một cách dịu dàng và dịu dàng một cách thâm thúy. Chị tinh xảo một cách ngây thơ và ngây thơ một cách tinh xảo. Chị tươi vui mà thánh thiện. Chị phức tạp mà đơn sơ. Chị táo bạo một cách tế nhị và tế nhị một cách táo bạo. Gương mặt Chị quyến rũ. Trái tim Chị dịu hiền. Chị uyển chuyển như nước và nồng nàn như lửa. Chị biết rõ tính cách của phái nam, nhưng vẫn giữ vẻ dịu dàng của phái nữ như lời Lão Tử đã viết trong Đạo Đức Kinh: *"Hãy biết tính cách của nam nhi. Hãy giữ vẻ dịu dàng của nữ nhi và hãy là một dòng suối trong thiên hạ, nghĩa là luôn tiến đúng hướng, không bao giờ lạc đường"* [37]. Chị Têrêsa biết những tính cách của nam nhi, nhưng phần lớn đời Chị đã sống như một nữ nhi.

Chị mang trong tâm hồn một thanh gươm hai lưỡi, nhưng lại luôn để trong bao. Là một trẻ thơ sớm trưởng thành, nhưng Chị lại biết cách duy trì sự trưởng thành đó như một mầm non tiềm ẩn không vội để cho chín sớm. Ngay cả

bây giờ dù Chị đã làm những phép lạ phi thường, nhưng Chị vẫn giữ tâm hồn Chị nhỏ bé như một mầm non. Vì thế, chúng ta biết rằng, trong đời sống thiêng liêng, không gì quan trọng bằng lòng chân thành. Tôi tin rằng, bây giờ hơn bao giờ hết, Chị cảm thấy điều Chị đã nói trước khi từ giã cõi trần là một chân lý: *"Chính Chúa Giêsu làm tất cả. Còn tôi, tôi không làm được gì hết"*.

Lão Tử đã nói: *"Chính ĐẠO làm tất cả. Còn tôi, tôi không làm gì hết"*. Nhưng Đạo của Lão Tử là một hữu thể vô ngã, đối với tôi có vẻ như băng giá, trong khi Chúa Giêsu, Lời Nhập Thể, là một ngọn lửa tình yêu sống động, đã làm cho từng thớ thịt trong trái tim tôi rung động. Đối với tôi là một người Trung Hoa, điều tuyệt

vời nơi Kitô giáo là kết hợp được *tính thần bí* sâu sắc của Lão Tử với *tính nhân văn* mãnh liệt của Khổng Tử. Kitô giáo khác Lão giáo ở chỗ Đạo hay Lời đã làm người với một trái tim ấm áp. Kitô giáo khác Khổng giáo ở chỗ chính Lời, chứ không phải sản phẩm nào của Lời, đã làm người. Khổng Tử viết: *"Ai xúc phạm đến Trời, người ấy có cầu nguyện cũng vô ích"* [38]. Còn Lão Tử viết: *"Tại sao cổ nhân lại cầu nguyện với Đạo? Phải chăng nhờ Đạo mà ai tìm sẽ thấy, ai có tội sẽ được tha?"*. Đối với Khổng giáo, ý niệm về Trời tuy hữu vị nhưng lại hạn hẹp; còn đối với Lão giáo, ý tưởng về Đạo tuy bao la nhưng lại không hữu vị. Thiết tưởng, Thiên Chúa còn hơn một ngôi vị nữa, vì Thiên Chúa đã làm người; những ai không nhìn nhận Thượng Đế có ngôi vị, mà chủ trương rằng chỉ con người mới có ngôi vị, thì người đó tự nâng mình lên trên cả Thượng Đế. Nếu Kitô giáo đã làm cho lý trí tôi thỏa mãn là vì đã giới thiệu cho tôi một Thượng Đế vừa bao la vừa hữu vị. Còn Chị Têrêsa đã củng cố niềm tin tôn giáo của tôi vì Chị có một tâm hồn thanh thoát của Lão Tử và có một con tim dịu dàng nhân ái của Khổng Tử.

TÌNH YÊU ĐEM LẠI TỰ DO

Tự nguyện làm nô lệ tình yêu, Chị Têrêsa đã được tự do như chim trời bay nhảy. Càng gắn bó mật thiết với Hôn phu của mình, Chị càng không dính bén với tạo vật. Ngay từ nhỏ Chị đã có một cái nhìn sâu sắc về *"tạo vật hư không, nay còn mai mất"* [39]:

"Chúa Giêsu không phải là bạn chí thiết của con sao? Con chỉ biết trò chuyện với Chúa. Nói chuyện với chị em, dù là chuyện đạo đức, tâm hồn con cũng dễ nhọc mệt lắm. Thật ra những lúc trơ trọi một mình con cũng cảm thấy buồn tẻ, nhưng con thường tự an ủi mình bằng ngâm nga lời thơ ý đẹp mà cha con có lần đã đọc cho con nghe:

"Thế gian không phải là nhà,
Thuyền con xuôi bến chính là thế gian" [40].

Như thế, Têrêsa đã nhìn thế gian "sub specie eternitatis" (dưới ánh sáng vĩnh cửu) và đã dọn đường cho Chị biết thoát ly tư lợi mặc dù nó quyến rũ Chị. Dần dần Chị cắt đứt tất cả các mối ràng buộc khiến phải nô lệ tạo vật như ham muốn làm đẹp, trình diễn nghệ thuật, chiếm hữu của cải, để chỉ gắn bó với những gì mà Chị gọi là *"kho tàng thiêng liêng"*:

"Nếu tôi là người có của, tôi không thể nhìn một người đói khát mà không cho ăn uống. Cũng thế, tôi thực hành điều đó trong đời sống thiêng liêng, kiếm được bao nhiêu thì tôi đem phân phát ngay cho những linh hồn đang bên bờ diệt vong. Làm như thế thật không còn giờ phút nào dành cho bản thân mình nữa" [41].

Một chị nhà tập đã kể lại giai thoại này: *"Có người xin tôi chiếc kim đan mà tôi vẫn thích dùng, tôi tiếc lắm. Bấy giờ Chị Thánh bảo tôi: "Ồ, chị giầu có quá! Chị không thể hạnh phúc được đâu!"* [42]. Lời khiển trách nhẹ nhàng nhưng xúc tích biết bao! Người ta có thể giầu với một chiếc kim đan và có thể nghèo với một triệu bạc.

Một người không có tinh thần thoát ly tạo vật, thì dù chỉ chiếm hữu một chiếc kim thôi cũng có thể là một trở ngại trên đường lên thiên đàng. Trái lại, nếu coi mọi tạo vật như những phương tiện hữu ích để giúp đỡ tha nhân, thì dù chiếm hữu cả vũ trụ này cũng không làm hại tâm hồn họ vì họ luôn có *"tinh thần nghèo khó"*. Chị giải thích bài học "bàn tay trắng" cho một chị nhà tập thế này:

"Một cách duy nhất khiến Thiên Chúa không phán xét ta điều gì hết là ta trình diện Thiên Chúa với hai bàn tay trắng. Làm sao như thế được? Rất đơn giản: chỉ việc đừng nắm giữ cái gì cả, có gì thì đem cho hết đi. Phần em, giả mà Chúa có cho em sống đến 80 tuổi, em vẫn cứ nghèo như bây giờ, em không biết tiết kiệm, có bao nhiêu em chi ngay để chuộc các linh hồn. Nếu em cứ đợi sắp chết mới đưa ra mấy đồng xu nhỏ để xin Chúa định giá cho thì Chúa sẽ phát hiện rỉ sét ở mấy đồng xu ấy, và chắc là em sẽ phải thanh lọc trong luyện ngục!" [43].

Đối với Chị Thánh, chúng ta còn phải thoát ly cả những việc đạo đức riêng tư:

"Bạn phải thoát ly những công việc cá nhân, sử dụng một cách ý thức thời giờ theo quy định nhưng với một tâm hồn dấn thân thực sự. Có lần em đọc thấy dân Israel xây thành Giêrusalem, một tay xây, một tay cầm gươm. Đó là hình ảnh mà chúng ta phải làm, chứ đừng để mình bị lôi cuốn hoàn toàn vào công việc!" [44].

Phải chăng đó cũng là tư tưởng của Lão Tử khi ông nói: *"Hãy làm việc mà đừng quá để ý đến công việc của bạn"*. Nhà triết học lão thành Trung Hoa đã học được điều ấy sau bao năm kinh nghiệm, còn cô bé người Pháp này đã học được ở trường Tình yêu. Phải, tình yêu quảng đại tận hiến vô giới hạn đã giải thoát tâm hồn Chị và chấp cánh cho Chị bay cao. Chị Têrêsa nói với chị Céline:

"Chúng ta hãy thoát ly trái đất này, hãy bay lên Núi Tình Yêu để bông huệ xinh đẹp là tâm hồn chúng ta trú ngụ trên ấy, Hãy thoát ly cả những an ủi của Chúa Giêsu để có thể chỉ kết hiệp với chính Ngài mà thôi" [45].

Khi Têrêsa đã thoát ly tất cả hữu thể của mình rồi thì Chị không còn gì để từ bỏ nữa ngoài việc từ bỏ chính tư tưởng thoát ly. Chị Céline nói: *"Têrêsa đã từ bỏ chính mình, đã tự hủy hoàn toàn"* [46]. Chị quả thật là chiếc bình chứa đựng Chúa Thánh Thần. Vậy đó! Chỉ có Chúa Thánh Thần mới có thể đào tạo vị hôn thê nhỏ của Chúa Giêsu *"leo lên tới đỉnh cao trọn lành một cách nhanh nhẹn và nhẹ nhàng như chú hươu con"* [47].

Thánh Nữ Têrêsa không phải là người thánh thiện hơn những vị thánh khác, nhưng Chị đã hiện đại hóa sự thánh thiện. Chị là một nhà cách mạng biết canh tân khi làm cách mạng. Hội thánh Công giáo là một thân thể sống động không ngừng phát triển qua bao thế kỷ, nhưng vào thế kỷ 20 mà chúng ta có thể gọi được là một thế kỷ tinh tế về tâm lý, cần có một vị thánh như Têrêsa, một trong những nhà tâm lý thâm thúy nhất, một trong những nhà phân tích cực kỳ nhạy bén. Nhờ Chị, sự thánh thiện không còn là một cái gì cao siêu xa vời, mà như nước thấm vào tận cõi vô thức sâu thẳm. Chúa Thánh Thần luôn tạo nên

những vị thánh mới để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Vào thế kỷ 16, thế kỷ phát triển chủ nghĩa cá nhân, Chúa Thánh Thần đã làm nên một Têrêsa Avila mà P. Hermandez đã tuyên bố sau cuộc tiếp xúc với Thánh nữ: *"Người ta nói với tôi đó là một người nữ đặc biệt. Nhưng theo tôi đó là một nam nhi mà tôi chưa hề thấy một người thứ hai như thế"* [48].

Cũng không phải vô lý mà Chúa Thánh Thần đã làm nên *"một trẻ thơ lão luyện"* trong thời đại chúng ta. Thế kỷ chúng ta vì đã già nên rất cần trở nên trẻ thơ. Chị Têrêsa đã vạch ra cho chúng ta con đường thơ ấu thiêng liêng đó. Với bản tính đa cảm, trực giác, vui tươi, sắc xảo, tế nhị, thanh khiết, Chị đã thực hiện trong lãnh vực đời sống thiêng liêng những điều mà các vĩ nhân đương thời đã làm trong các lãnh vực hoạt động của họ.

NGHỆ THUẬT SỐNG

Trong những ngày ở Rôma, Têrêsa đã đi viếng nghĩa trang nổi tiếng Campo Sancto và Chị đã mô tả như sau:

"Campo Sancto đã làm chúng tôi say mê! Những tượng bằng đá hoa trắng, trạm trổ rất tinh xảo, trông như người thật, đứng rải rác trong khuôn viên rộng thênh thang; cách xếp đặt có vẻ tầm thường mà lại hấp dẫn. Nhìn bộ dạng các tượng y như những người âu sầu đau đớn, ai cũng chạnh lòng muốn chạy đến an ủi. Thật là một cách diễn tả tài tình, thảm thương điềm đạm mà đậm nét tôn giáo! Kỳ công kiệt tác thay! Chỗ này là tượng một đứa trẻ đang rắc hoa trên mộ cha, trông chẳng ai nghĩ là tượng đá, những cánh hoa mềm mại nắm trong tay rơi xuống nhẹ nhàng như thật!

Chỗ kia là tượng các quả phụ đang trùm khăn đứng tư lự, gió bay rối cả khăn lẫn áo; lại còn mấy thiếu nữ mồ côi cha đang bơ phờ đứng đấy, chẳng còn biết gì đến giải lụa buộc tóc trên đầu đang phất phơ trước gió" [49].

Những gì tài năng nhân loại gửi gấm nơi các tượng đá hoa cương thì Nhà Điêu khắc Chí thánh cũng phú bẩm cho Chị Têrêsa. Thoạt nhìn, Chị có vẻ "phất phơ trước gió" nhưng thực tế lại không có gì vững chắc hơn Bông Hoa Nhỏ trắng ngần của Đức Giêsu. Chính cách sống nghiêm túc của Chị lại làm cho Chị dễ sống. Nếu Chị thuộc gia đình Bêtania xưa, Chị sẽ vừa ân cần tiếp đãi Đức Giêsu như Martha, vừa đưa mắt nhìn trộm Chúa Giêsu xem Chúa có hoàn toàn hài lòng với chị Maria đang ngồi dưới chân Ngài không. Lúc đó Têrêsa sẽ có cảm tình nhiều hơn với người chị gái đã yêu Đức Giêsu nhiều. Chúng ta suy diễn như thế vì chính Chị Têrêsa đã viết: *"Giả thiết Chúa nhân lành không nhìn thấy những việc tốt con làm, con sẽ không than phiền. Con yêu Ngài và muốn làm hài lòng Ngài dường nào, nhưng con lại không muốn Ngài biết là chính*

con làm, vì biết và muốn như thế xem ra ép buộc Ngài phải trả ơn… con không muốn gây rắc rối cho Ngài”.

Càng làm việc vất vả, Chị càng tỏ ra vui tươi. Thật là một nhân đức vững vàng ẩn dấu sau vẻ đơn sơ bên ngoài.

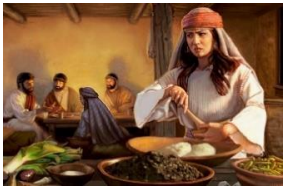

Về văn phong, người ta thường nói: *“Viết khó thì dễ đọc”*. Thật vậy, sự sâu sắc đích thực lại mặc vẻ trong sáng. Trời cao khôn thấu nhưng lại trong xanh! Thẩm phán Holmes chẳng hạn, ông vừa là một luật gia nổi tiếng vừa là một văn sĩ trứ danh. Khi nhận định về những tác phẩm luật pháp của ông, một thẩm phán khác là ông Frankfurter đã viết: *“Văn phong gọn gàng, uyển chuyển, chặt chẽ của Holmes đã làm cho những tư tưởng của ông trở nên sáng sủa lạ thường. Tất cả xem ra đến với ông một cách dễ dàng... như những con chim tuyệt đẹp lấy ra từ tay áo nhà ảo thuật. Nhưng đó chỉ là vẻ bề ngoài dễ dàng thôi, chứ thật ra là cả một*

nỗ lực lớn lao và một nghệ thuật tuyệt vời" [50]. Chính Holmes đã viết cho tôi về nghệ thuật viết văn như sau: *"Khi đọc Tennyson, bạn cảm thấy ông ta cố gắng viết những câu văn tao nhã. Khi đọc Shakespear, bạn thấy những câu văn tuyệt cú dường như tuôn chảy từ nguồn suối; ông viết một cách hết sức tự nhiên như đang kể chuyện vậy. Trong khi Stevenson lo tìm những từ ngữ chính xác thì Kipling lại bỏ tự điển để đi kiếm những từ ngữ phổ thông mà dân chúng thường dùng"* [51].

Thật vậy, nghệ thuật cao là một nghệ thuật ẩn. Mặt khác, có nhiều điểm đúng về một buổi hòa nhạc trong câu nói của Voltaire đặt vào miệng nhân vật Popucurante trong vở kịch Candides: *"Đa âm làm cho người ta khuây khỏa trong vòng nửa giờ, chứ nếu kéo dài hơn sẽ làm cho người ta mệt mỏi, mặc dù không ai dám nói thế. Âm nhạc hiện nay không phải là biểu diễn những bản nhạc khó, mà cái khó cũng chẳng làm cho người ta hài lòng được mãi. Có lẽ tôi thích nhạc kịch hơn nếu người ta không tìm ra được một cách biến nhạc kịch thành một con quái vật chọc tức tôi"* [52].

Những điều đúng trong âm nhạc, trong điêu khắc, trong văn chương thì cũng đúng trong nghệ thuật sống. Không một nữ tu nào ở Đan viện Cát Minh cảm thấy khó giữ Luật Dòng hơn Chị Têrêsa. Dầu vậy, Chị luôn tỏ ra thoải mái và mãn nguyện. Hãy nghe các chị em trong Dòng nói về Chị:

"Người ta thấy Chị luôn niềm nở, vui vẻ, dễ thương; những ai không đi sâu vào nội tâm Chị, có thể tưởng rằng Chị bước đi trên một con đường dễ dàng đầy an ủi. Chính vì thế, nhiều người sống đương thời với Chị không tìm ra được ý nghĩa nụ cười của Chị, không thể thấy thánh giá ẩn dưới chùm hoa" [53].

Thực tế mà nói, chấp nhận giữ luật hoặc vào Dòng Kín đã là một cuộc tử đạo rồi, bởi lẽ còn hiến tế nào đáng giá hơn là hy sinh tất cả thú vui trần thế, cắt đứt mọi liên hệ trần gian vì tình yêu Thiên Chúa? Ngay cả khi Têrêsa coi ơn gọi của Chị là một đặc ân chứ không phải một hy lễ, thì cũng không mất đi ý nghĩa của hy sinh theo nghĩa thông thường của từ này. Nhưng biết bao người hời hợt, dễ dàng để mình bị lôi cuốn theo vẻ bề ngoài! Theo nhận

xét của cha Mateo Crawley Hoevey, còn có những người nghĩ rằng Chị Thánh sống trong Dòng Kín như chim sơn ca trong vườn hoa, tung tăng hót ca tình yêu dịu dàng của Chúa đối với Chị và của Chị đối với Ngài [54]. Đúng, Chị giống như chim sơn ca, nhưng chúng ta đừng quên rằng, như chim sơn ca, Chị hót trong bụi gai: *"Dù phải hái những bông hồng giữa bụi gai, con vẫn luôn ca hát, và gai càng dài càng nhọn thì tiếng hát của con lại càng du dương"* [55].

TÂM SỰ

Một hôm, Têrêsa nghe một chị bạn nhận xét: *"Dư luận nói rằng Chị không bao giờ phải đau khổ nhiều"*. Têrêsa mỉm cười chỉ tay vào ly đựng thuốc màu đỏ: *"Chị ơi, người ta tưởng đó là ly nước ngọt, nhưng thực ra đắng lắm. Cuộc đời của em cũng thế: ai cũng cho là đời em toàn màu hồng, nghĩ là em được uống một ly rượu ngọt, nhưng đối với em toàn là vị đắng! Nói là vị đắng, nhưng suy cho cùng, đời em không buồn vì em biết tìm niềm vui và vị ngọt trong tất cả những gì cay đắng"* [56].

Nghe Têrêsa tâm sự như thế, chị bạn ngạc nhiên. Còn chúng ta, qua đó chúng ta thấy rõ tất cả con người của Chị Thánh. Chị làm chúng ta suy nghĩ về bản thân một người mà chúng ta không thể hiểu được, cho phép chúng ta vén tấm màn che kín nhân cách Chị. Dường như trong mảnh đất tâm hồn Chị, chúng ta phát hiện ba lớp kế tiếp nhau:

Lớp thứ nhất bên ngoài là nụ cười dễ thương của Chị, có vẻ như một đứa bé tinh khôn, vô tư. Nét mặt Chị làm tôi nhớ đến một bài thơ của Tử Phúc:

"Từng dãy từng dãy hoa,
Trong mảnh vườn bà Hoàng,
Những cụm hoa san sát,
Vô số hoa nở xinh.
Những cánh bướm lượn quanh,
Vô tư cùng nhảy múa,
Với những chú hoàng anh,
Bài tự do say hát!"

Lớp thứ hai đầy cay đắng, lạt lẽo, thất vọng. Tôi còn nhớ bài ca Mùa Thu của Lý Tâm:

"Khi tôi còn nhỏ tuổi,
Chưa biết khổ là gì,
Tôi thích lên sân thượng,
Nhìn xem khắp bốn phương
Để ca bài ca mới,
Thêm một chút đau thương.
Bây giờ tôi đã uống
Hết mọi nỗi khổ đau
Tôi thấy mình bất lực,
Tìm lời diễn tả thêm,
Tôi chỉ nói được rằng:
Thu ơi! Thu đẹp, Thu xinh dường nào!"

Nỗi đau khổ, cay đắng, lạt lẽo, thất vọng được diễn tả trong đoạn thơ trên trở thành êm đềm gần như tĩnh lặng. Đó là điều tôi nhận thấy ở lớp thứ hai trong tâm hồn Têrêsa.

Vào sâu trong lớp thứ ba là sự bình an, yên tĩnh, bất biến, dù phong ba khuấy động cũng không hề lay chuyển tâm hồn nhạy cảm của Chị. Ở đó, Têrêsa giữ kín nguồn an vui, một thứ an vui thấm qua đau khổ như qua lớp cát

rồi bộc phát ra những nụ cười đã được chắt lọc, đôi khi còn hài hước nữa. Nếu không có lớp cát, nụ cười không thể trong sáng và dịu dàng như thế. Nếu không có niềm vui vô hình, nụ cười sẽ thảm hại như lớp bạc lót chiếc quan tài đen, sẽ lố bịch như cái nhếch mép của người điên. Nhờ có lớp cát và nguồn an vui thẳm sâu, Chị vừa say sưa vừa tiết độ. Chính Chị cũng cảm thấy như thế: *"Phải nói rằng nguồn an vui ở tận đáy lòng tôi"* [57]. Chị đã có một niềm an vui sâu thẳm, súc tích và trưởng thành biết bao! Trong tâm hồn trẻ thơ của Chị chất chứa những đau khổ của mọi lứa tuổi và niềm an vui của vĩnh cửu.

LUẬN LÝ TÌNH YÊU

Tôi thú nhận rằng đôi khi tôi phải ngạc nhiên về một vài cái nhìn sâu sắc của Chị Têrêsa, nhanh và sáng như chớp. Chính Chị cũng ngạc nhiên không kém: *"Từ khi con ở trong cánh tay Chúa Giêsu, con như người lính canh quan sát quân địch từ trên tháp cao của lâu đài vĩ đại. Không gì có thể thoát khỏi cặp mắt của con, và con ngạc nhiên tại sao mình lại thấy rõ như thế"* [58].

Đức khiêm nhường của Chị không những là một tình cảm đến từ trái tim mà còn là một xác tín dựa trên nhận thức về sự hư vô của mình trước Đấng Chị yêu mến. Chị luôn cảm nhận và tưởng nhớ đến sự hiện diện của

Chúa. Tầm nhìn của Chị khá rõ ràng, đặc biệt bằng những hình ảnh Chị dùng để diễn tả. Đây là một ví dụ mà một nữ tu đã kể lại cho chúng ta:

"Chị Thánh thường hay nói chuyện với tôi về một đồ chơi mà Chị thích hồi còn nhỏ, ống kính vạn hoa: chỉ cần xoay cái ống một chút là thấy ở đầu ống bên kia vô số những hình màu đẹp đẽ. Chị Thánh nói rằng đồ chơi này khiến Chị thích thú, và Chị vẫn tự hỏi làm sao lại có thể diễn ra đẹp như thế. Rồi một ngày kia, sau khi đã khảo sát cặn kẽ, Chị đã nhận ra thật là đơn giản. Chị giải thích rằng: "Có gì đâu, vài miếng giấy và vải vụn để lộn xộn ở đầu ống. Còn cái ống thì có ba miếng kính ghép lại với nhau theo hình tam giác đặt nằm trong ống. Manh mối chỉ có thế thôi mà đã phát sinh những hiệu quả rất lạ lùng. Với em, đó là hình ảnh một mầu nhiệm cao cả: bao lâu những việc ta làm, dù là những việc nhỏ nhất, rất nhỏ mọn, nếu làm vì lòng yêu mến Chúa Ba Ngôi, hình dung bằng ba miếng kính ghép lại và phản chiếu vào những việc nhỏ mọn ta làm, thì những việc đó sẽ trở nên tốt đẹp vô vàn và

quý giá lạ lùng. Chúa Giêsu Kitô, qua miếng kính nhỏ, nghĩa là qua chính Ngài, Ngài nhìn chúng ta và nhận thấy tất cả những việc làm nhỏ nhất của chúng ta đều đẹp và đẹp mãi; nhưng nếu những cử chỉ hành động của chúng ta đi lệch ra ngoài trung tâm là lòng yêu mến, thì Ngài chẳng thấy gì ngoài đống rác rưởi vô giá trị" [59].

Tình yêu đã mở mắt cho Têrêsa bé nhỏ nhìn thấy những chân lý mới mẻ, những lý lẽ mới mẻ để yêu Chúa Giêsu. Không tội lỗi như Madalêna, không cần được tha nhiều như Madalêna, phải chăng Chị Têrêsa yêu ít hơn? Không, Chị còn yêu nhiều hơn. Tình yêu có những lý lẽ mà các nhà toán học không hiểu được. Chị nói: *"Chúa Giêsu muốn con yêu Ngài, không phải vì Ngài tha cho con nhiều mà tha tất cả* [60]. *Ngài còn tha cho con cả những tội mà con có thể sẽ phạm nữa*" [61].

Dường như Chị Têrêsa trực giác được những điều mà các nhà thần học phải mất nhiều giờ mới suy thấu được. Theo thánh Tôma Aquinô, *"gìn giữ loài người khỏi phạm tội là việc của Thiên Chúa, một đặc ân cũng lớn lao như ơn*

tha tội mà loài người đã phạm" [62]. Thánh Augustinô viết trong cuốn Tự Thuật: *"Con phải cảm tạ lòng lân tuất Chúa vì đã xóa sạch moi tội lỗi nơi con. Con cũng phải cảm tạ Chúa vì đã gìn giữ con khỏi những tội mà con đã có thể phạm và sẽ có thể phạm"* [63]. Còn thánh Têrêsa thì đi xa hơn một chút. Chị không nói *"cũng tha"* mà nói *"tha tất cả"*, và đã làm sáng tỏ chân lý sâu xa này bằng một ví dụ đơn sơ như sau: *"Ví dụ ông bác sĩ danh tiếng kia có cậu ấm đi đường vấp phải đá, ngã gãy tay. Tình cha thương con, bác sĩ vội vàng chạy đến nâng cậu dậy, xoa bóp, băng bó, tìm mọi phương dược để chữa cho con mau lành. Qua ít ngày, tay cậu khỏi hẳn, cậu biết ơn cha cậu nhiều lắm. Đành rằng cậu ấy có lý để yêu mến cha cậu, nhưng còn cậu trai sau đây thì sao? Cha cậu biết rằng quãng đường cậu trai cưng sẽ đi có một tảng đá nguy hiểm nằm ngang giữa đường, cha cậu liền chạy đến trước lăn tảng đá ấy ra bên cạnh mà không ai biết. Cậu con trai được cha âu yếm lo liệu chu đáo như thế, nhưng vì không biết nhờ cha lo trước mà mình đã thoát gặp nạn, nên chắc là cậu ấy không yêu cha bằng cậu ấm ngã gãy tay được*

cha chữa lành. Nhưng nếu cậu ấy biết rõ toàn bộ sự thật, hiểu được tình cha thương con như thế, thì hỏi rằng cậu ấy có yêu cha mình hơn cậu ấm kia gấp bội không?" [64].

Tôi tưởng tượng Thiên Chúa đến đặt nhẹ bàn tay trên vai Têrêsa và bảo: *"Con yêu dấu! Đúng thế! Chính con yêu Cha và con cần yêu Cha như chưa bao giờ Cha đã được ai yêu. Con không bao giờ thiếu lý lẽ để biện minh tình yêu của con. Con là một nhà lý luận tuyệt vời! Chính tình yêu lý luận tinh tế đã tạo nên đứa con bé bỏng của Cha!"*.

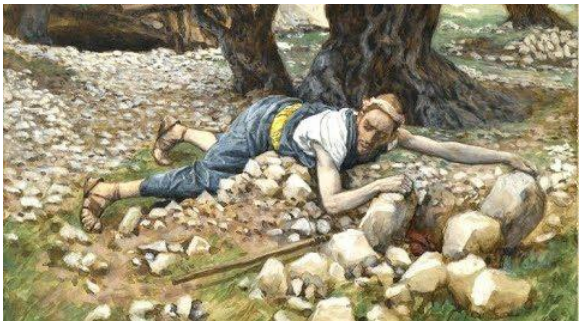

SỐNG CHẾT TRONG TÌNH YÊU

Với một đức tin sống động nhờ một tình yêu mãnh liệt và trong sáng, cũng như nhờ có một quan niệm sống rõ ràng, không lạ gì Chị Têrêsa đã thắng sự chết trước khi chết. Khi một chị nhà tập xin Chị Têrêsa cho phép khóc khi Chị chết, Chị đã nhẹ nhàng khiển trách: *"Em khóc hạnh phúc của Chị sao?"* [65]. Cha tuyên úy Nhà Dòng hỏi Chị: *"Con có cam lòng chịu chết không?"*, Chị trả lời: *"Ôi chao! Con nghĩ phải cam lòng sống, chứ được chết thì con mừng lắm"* [66]. Chị đã vượt lên trên sự sống và cái chết: *"Sống hay chết là gì đối với con? Hạnh phúc độc nhất của con là yêu Chúa"* [67].

Chị đã có những tâm tình này vì Chị đã đạt tới một mức sống siêu nhiên, trong đó ý muốn nhân loại chan hòa với ý muốn Thiên Chúa: *"Con không yêu vật này hơn vật nọ. Điều mà*

Chúa nhân lành thích hơn và đã chọn cho con là điều con thích nhất" [67].

Trong những tháng cuối đời, có lần Chị đã nói một câu đánh động tận đáy lòng tôi: *"Giả như Thiên Chúa nhân lành nói với con: 'Nếu con chết bây giờ con sẽ được vinh hiển rất lớn; nếu con chết lúc 80 tuổi thì con sẽ kém vinh hiển hơn nhưng lại đẹp lòng Cha'. Ôi, con sẽ không ngần ngại trả lời: "Lạy Chúa, con muốn chết lúc 80 tuổi vì con không tìm vinh hiển cho con mà chỉ muốn đẹp lòng Chúa"*.

Chị đã yêu Chúa một cách quảng đại đến nỗi, nếu có thể, Chị muốn hy sinh cả hạnh phúc Thiên đàng. Ngày nay, nếu còn sống, Chị vẫn hài lòng sống trong Dòng Kín Lisieux như một bông hoa ẩn mình không ai biết đến. Nhưng Thiên Chúa đã muốn gọi Chị giữa tuổi 24 và làm cho Chị thành một đại thánh. Giờ đây phải chăng Chị đang an nghỉ trong cánh tay Bạn Tình Chí Thánh? Không, *"Vì các linh hồn, Chị không thể ngồi yên được"* [68]. Chị muốn về Trời để làm việc lành cho trần thế: *"Nhất định con không nghỉ ngơi cho đến ngày tận thế! Khi nào đến ngày mà các thiên thần loan*

báo 'hết giờ rồi' thì con mới nghỉ ngơi mà hưởng phúc vui vẻ, vì khi ấy số người được Chúa chọn vào Thiên đàng sẽ đầy đủ" [69].

Trên trời cũng như dưới thế, Bông hoa nhỏ của Đức Giêsu luôn yêu Chúa với một tình yêu sâu đậm, đến nỗi Chị cảm thấy Chị vẫn yêu Chúa chưa đủ. Chị muốn triệu triệu tâm hồn cũng yêu Chúa Giêsu như thế: *"Con kêu mời các thiên thần và các thánh đến hát những bản tình ca"*. Cho dù tất cả mọi tạo vật hợp tấu bản nhạc sống động này, Chị vẫn coi đó là một giọt nước trong đại dương vô tận của Tình Yêu Chí Thánh. Chị vẫn còn cảm thấy mình như một trẻ thơ đối với mẹ mình.

Phải chăng chúng ta dám nói rằng: một ngọn cỏ tâm hồn Chị đã phản ánh tất cả một Mùa Xuân huy hoàng rực rỡ?

GHI CHÚ

[1] Là một trong những bộ óc về luật pháp lỗi lạc nhất của Trung Hoa, Giáo sư Wu còn là một học giả nổi tiếng và là tác giả nhiều cuốn sách giá trị, cả về pháp lý lẫn văn học.

Dù chỉ mới 42 tuổi, nhưng ông đã hoàn thành xuất sắc nhiều chức vụ, trong đó có chức Chủ tịch Tòa án Lâm thời (1929), Cố vấn Hội đồng thành phố Thượng Hải (1931), Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban soạn thảo Hiến pháp của Trung Quốc.

Ông là thành viên của Chính phủ Lập pháp từ năm 1933, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Dự thảo Luật của Bộ Lập pháp và Trưởng phòng Biên tập của Viện Tiến bộ Văn hóa và Giáo dục Tôn Trung Sơn.

Lần đầu tiên ông học luật tại Trường Luật Đối Chiếu của Trung Hoa tại Thượng Hải, tốt nghiệp loại xuất sắc năm 1921 với bằng LB. Sau đó, ông nhập học Đại học Michigan, Hoa Kỳ, nhận bằng JD năm 1922. Công việc của ông đã được khen thưởng: ông được Carnegie Endowment of International Peace cấp học bổng tu nghiệp về Luật học quốc tế. Nhờ đó ông đã đến Đại học Sorbonne, rồi Đại học Berlin.

Ông từ chức Chủ tịch Tòa án Lâm thời để chuẩn bị các giáo trình sẽ được giảng dạy tại Trường Luật của Đại học Northwestern, Chicago, với tư cách là người điều hành Chương trình Giảng dạy của Quỹ Rosenthal. Ông cũng nhận lời mời tham gia làm giảng viên của Trường Luật Harvard với tư cách là giảng viên về Luật Đối Chiếu. Vợ ông lâm bệnh khiến ông không thể thực hiện được và ông đã trở về Trung Quốc vào năm 1930.

[2] Eckermann, "Đối thoại với Goethe" (Tủ sách của mọi người), tr. 423.

[3] “Tự truyện của Thánh Têrêsa thành Lisieux”, bản dịch của Linh mục Thomas N. Taylor (Burns, Oates và Washbourne, London), tr. 268. Trong phần ghi chú tiểu luận này, sách nói trên sẽ được trích dẫn là "Tự truyện".

[4] “Thư I gửi tín hữu Côrintô” Chương 13.

[5] Đoạn văn này tôi đã dịch từ “Truyện một Tâm hồn của Thánh Têrêsa Hài đồng Giêsu” (Nhà xuất bản St. Paul, Bar-le-Duc), tr. 208.

[6] Xem Mt, 22, 48-50 (Bản phổ thông)

[7] Tin Mừng Theo Thánh Luca, 10, 38-42.

[8] Đã dẫn, 7, 36-47.

[9] “Tự truyện” tr. 194.

[10] Đã dẫn, tr. 137.

[11] “Tinh thần Thánh Têrêsa Hài đồng Giêsu” (Burns, Oates và Washbourne, London), tr. 93-94. Cuốn sách này sẽ được trích dẫn trong tiểu luận này là “Tinh thần” (3).

[12] Đã dẫn. tr. 9.

[13] Từ “Hai người yêu nhau”.

[14] Từ “Góa phụ trên Phố Tạm biệt”

[15] “Novissima Verba: Những lời sau hết của Thánh Têrêxa Hài Đồng Giêsu” (Burns, Oates và Washbourne, London) tr. 112.

[16] “Tinh thần” tr. 24.

[17] “Tủ sách Thánh Phanxicô đệ Salê: Tác phẩm của vị Tiến sĩ Giáo hội” được cha Henry Benedict Mackey dịch sang tiếng Anh.
II. “Luận về tình yêu của Thiên Chúa” (Burns, Oates và Washbourne, London), tr. 211.

[18] Novissima Verba, tr. 139.

[19] Shakespeare, "Hamlet" (Màn 1, Cảnh 3): *“Anh đã vội vàng làm bạn với những người đó, và đã cố gắng buộc họ vào tâm hồn anh bằng những vòng thép”.* Lão Tử nói: *“Buộc tốt thì không cần dùng dây thừng và nút thắt mà không ai có thể tháo nó ra được”.* Kiểu nói này gần với Têrêsa hơn là Shakespeare.

[20] “Tinh thần” tr. 36.

[21] “Một Tâm hồn” (trích dẫn trong chú thích 4), tr. 429.

[22] “Tinh thần”, tr. 37.

[23] “Tự truyện”, tr. 297.

[24] Đã dẫn, tr. 353.

[25] “Tinh thần”, tr. 200.

[26] “Tự truyện”, tr. 220-221.

[27] “The Analects” Quyển I.

[28] “Tự truyện”, tr. 222-223.

[29] “Tinh thần”, tr. 150

[30] Xem “Trung Quốc trong Hòa bình và Chiến tranh” (Kelly và Walsh. Thượng Hải). tr. 73.

[31] Xem Petitot, “Saint Therese of Lisieux” (Burns, Oates và Washbourne, London), tr. 156.

[32] “Tự truyện”, tr. 294-295.

[33] “Tinh thần”, tr. 196.

[34] “Đạo Đức Kinh”, Chương 44.

[35] 2 Cr, 7, 8 (Bản phổ thông).

[36] “Novissima Verba”, tr. 54.

[37] Lão Tử nói:

“Hãy biết nam tính,
Hãy giữ lấy nữ tính
Và hãy là suối của thế giới.
Trở thành suối của thế giới là
để di chuyển không ngừng
trong con đường Đạo Đức
Không trệch khỏi hướng đi
để trở lại thời kỳ sơ sinh”.
(Đạo Đức Kinh, Chương 29).

Ý chính là người ta nên biết rằng: tuy mình là nam nhân nhưng luôn cư xử nhẹ nhàng như một người nữ. Têrêsa có thể ứng xử như một nam nhân nếu Chị ấy muốn, nhưng hầu như suốt đời Chị ấy đã ứng xử như một người nữ. *“Lòng tốt không được biến thành yếu đuối”*.

[38] “Tinh thần”, tr- 55

[39] “Tự truyện”, tr. 103.

[40] “Novissima Verba”, tr. 62.

[41] Đã dẫn. trang 82-3.

[42] “Tự truyện”, tr. 316.

[43] Đã dẫn. p. 310.

[44] Đã dẫn. p. 313.

[45] “Tinh thần”, tr. 34.

[46] “Novissima Verba”.

[47] “Tự truyện”, tr. 268.

[48] Xem Alice Lady Lovat,
“Tình yêu của Thánh Têrêsa”.

Sau cuộc phỏng vấn Thánh Têrêxa Avila, cha P. Hernandez đã nói: *“Người ta nói với tôi đó là một người nữ đặc biệt. Nhưng theo tôi đó là một nam nhi mà tôi chưa hề thấy một người thứ hai như thế”* (tr. 311).

Tôi nghĩ so sánh Têrêsa thành Lisieux với Têrêsa thành Avila giống như so sánh Einstein với Newton.

[49] “Tự truyện”, tr. 107.

[50] Xem Justice Holmes, do Frankfurter biên tập, tr. 116.

[51] Thư ngày 7 tháng 10 năm 1924.

[52] Chương XXV.

[53] Xem Petitot, “Thánh Têrêxa thành Lisieux”, tr. 263.

[54] Xem “Jesus, The King of Love”, tr. 200.

[55] “Tự truyện”, tr. 205.

[56] Đã dẫn, trang 221-222.

[57] Petitot. p. 273.

[58] “Tinh thần”, tr. 195.

[59] “Tự truyện”, trang 317-318.

[60] “Tinh thần”, tr. 115.

[61] Đã dẫn, tr. 115.

[62] Thomas Aquinas, “Các tác phẩm được chọn lọc” (Thư viện của mọi người), tr. 3.

[63] Đã dẫn, tr. 3.

[64] “Tự truyện”, tr 79

[65] Đã dẫn, tr. 321

[66] “Tinh thần”, tr. 141.

[67] Sđd .. tr. 142.

[68] Đã dẫn, tr. 13.

[69] “Tự truyện”, tr. 231.